

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VH,TT&DL THANH HOÁ



TẬP BÀI GIẢNG
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHỆ
THUẬT (quảng cáo, triển lãm,
hoạt động biểu diễn nghệ thuật,
khu vui chơi giải trí)

GV biên soạn: Ths. Vũ Thị Huyền

Thanh Hoá, 2019

MỤC LỤC

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHỆ THUẬT VÀ QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT	3
1.1.Những vấn đề cơ bản về nghệ thuật và quản lý các hoạt động nghệ thuật ...	3
1.1.1. Một số khái niệm	3
1.1.2. Đặc trưng và bản chất của nghệ thuật.....	5
1.1.3. Phân loại các hoạt động nghệ thuật	5
1.1.4. Chức năng của các hoạt động nghệ thuật	7
1.2. Những nội dung của quản lý các hoạt động nghệ thuật	11
1.2.1. Định hướng phát triển nghệ thuật	11
1.2.2.Quản lý nhà nước đối với các hoạt động nghệ thuật	11
Chương 2: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT	13
2.1. Khái niệm và phân loại biểu diễn nghệ thuật	13
2.1.1.Khái niệm biểu diễn nghệ thuật	13
2.2.2. Các loại hình biểu diễn nghệ thuật	14
2.2. Quản lý nhà nước đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật.....	15
2.2.1. Quan niệm về quản lý nhà nước với hoạt động biểu diễn nghệ thuật	15
2.2.2. Tầm quan trọng của quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật.....	17
2.2.3. Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	18
2.3.2. Những giải pháp trong công tác quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn hiện nay	36
Chương 3: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO, TRIỂN LÃM VÀ GALLERY	42
3.1. Quản lý hoạt động quảng cáo	42
3.1.1. Một số khái niệm và phân loại hoạt động quảng cáo	42
3.1.2. Vai trò của quảng cáo với hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội	45
3.1.3. Quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo	49
3.2.6. Những quy định chung về hoạt động quảng cáo	54

3.1.4. Quản lý theo các phương tiện quảng cáo cụ thể.....	56
3.1.5. Những bất cập và giải pháp trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo	66
3.2. Quản lý hoạt động triển lãm và gallery	72
3.2.1. Khái niệm.....	72
3.2.2. Quản lý hoạt động triển lãm	73
3.2.4. Những bất cập và giải pháp trong công tác quản lý hoạt động triển lãm và gallery	77
CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI: KARAOKE, VŨ TRƯỜNG VÀ CÁC KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ.....	81
4.1. Quản lý hoạt động karaoke	81
4.1.1. Điều kiện kinh doanh karaoke	81
4.1.2. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke	81
4.1.3. Trách nhiệm của chủ cơ sở kinh doanh karaoke	82
4.1.4. Hoạt động karaoke không có mục đích kinh doanh	82
Nghiêm cấm các hành vi khiêu dâm và mua bán dâm, mua bán, sử dụng ma túy tại phòng karaoke.....	83
4.2. Quản lý hoạt động vũ trường.....	83
4.2.1. Điều kiện kinh doanh vũ trường.....	83
4.2.1. Điều kiện kinh doanh vũ trường:.....	83
4.2.2. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường	83
4.2.3. Trách nhiệm của chủ kinh doanh vũ trường.....	84
4.3. Quản lý hoạt động ở các khu vui chơi giải trí	85
4.3.1. Điều kiện và hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử	85
4.3.2. Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	86
4.3.3. Quản lý hoạt động tại khu vui chơi cho thiếu nhi	93

Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NGHỆ THUẬT VÀ QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT

1.1. Những vấn đề cơ bản về nghệ thuật và quản lý các hoạt động nghệ thuật

1.1.1. Một số khái niệm

*** Nghệ thuật**

Con người sáng tạo ra nghệ thuật qua công việc lao động và sinh hoạt đời sống hằng ngày. Nghệ thuật giống như "tấm gương phản chiếu cuộc đời". Để qua đó tự chiêm ngưỡng mình, xem xét lại bản thân và tự đánh giá lại bản thân mình, còn là "cuốn sách giáo khoa vĩ đại" giảng giải, hướng dẫn cho con người về cái đẹp, cái thiện, ác, cái mới cũ, cái tiên tiến, lạc hậu tình yêu thương và lòng thù hận.

Trong tiếng Việt hiện nay, từ nghệ thuật có ít nhất là 3 cách hiểu:

1.1. Chỉ những hoạt động khéo léo, đạt đến một trình độ điêu luyện, có tay nghề cao. Đây là nghĩa đen, nghĩa rộng nhất của từ nghệ thuật. Theo từ nguyên, kĩ là kĩ năng, tài năng, thuật là hoạt động, là kĩ thuật. Trong tiếng Anh và tiếng Pháp, từ art cũng có nghĩa ban đầu là kĩ xảo, khéo léo. Trong ý nghĩa này, người ta có thể nói đến nghệ thuật bắt bông kem, nghệ thuật bắt bóng, nghệ thuật leo núi, nghệ thuật bắt trộm, nghệ thuật lái xe...

1.2. Chỉ những hoạt động và sản phẩm hài hòa, đẹp mắt, có thể mang lại cho người ta khoái cảm thẩm mỹ. Đây là nghĩa được sử dụng khá phổ biến hiện nay. Theo nghĩa này, người ta có thể coi một bộ bàn ghế trang trí đẹp, trang nhã, một số đồ thủ công mỹ nghệ... là những tác phẩm nghệ thuật, là những công trình nghệ thuật. Thê dục thể hình, trượt băng nghệ thuật, bơi nghệ thuật, nhảy dù nghệ thuật... là những hoạt động nghệ thuật. Khái niệm nghệ thuật ở đây gần với nghĩa đẹp mắt, tạo được sự chú ý ở người thưởng thức.

1.3. Chỉ một hoạt động đặc thù của con người nhằm tạo ra một loại sản phẩm đặc biệt, không những chỉ đẹp mắt, êm tai, gây được sự hứng thú về cái đẹp mà còn có ý nghĩa tư tưởng, tình cảm sâu sắc. Ở đây, mỗi loại hình nghệ thuật khác nhau sẽ sử dụng những phương tiện và chất liệu khác nhau để hình thành nên tác phẩm của mình nhằm biểu đạt một tư tưởng, tình cảm, một chân lí nghệ thuật... Trong ý nghĩa này, khái niệm nghệ thuật được dùng để chỉ các loại hình nghệ thuật sau đây: Văn chương, âm nhạc, hội họa, điêu khắc, kiến trúc, sân khấu, múa, điện ảnh, ảnh nghệ thuật. Trong chương này, khái niệm nghệ thuật được hiểu theo nghĩa này.

Nghệ thuật là sự sáng tạo không ngừng của con người để làm nên những sản phẩm, những thành tựu, những giá trị dưới dạng hữu hình và vô hình (vật thể hoặc phi vật thể). Nghệ thuật mang trong mình bản chất về cái đẹp, chứa đựng những giá trị lớn về tư tưởng - thẩm mỹ - quan niệm – tín ngưỡng...mang tính văn hóa.

***Quản lí**

Quản lý được Mac coi là chức năng đặc biệt nảy sinh từ tính chất xã hội hoá lao động . Bất kì là 1 xã hội hay cộng đồng nào được tiến hành trên quy mô tương đối lớn đều phải có sự quản lí. Nó thiết lập mối quan hệ hài hoà giữa công việc riêng lẻ và thực hiện chức năng chung nhất, xuất phát từ sự vận động của toàn bộ cơ cấu sản xuất khác với sự vận động của từng bộ phận độc lập trong nền sản xuất ấy (Mac và Angen toàn tập – NXB chính trị).

Quản lí là một khái niệm có nội hàm rất rộng, do vậy ở mỗi góc độ nghiên cứu, mỗi lĩnh vực nghiên cứu, người ta có thể đưa ra những khái niệm khác nhau về quản lí. Tuy nhiên hoạt động quản lí chỉ được hình thành trên cơ sở đã có sự phân công lao động, xã hội và cả từ sự vận động của toàn bộ cơ cấu sản xuất. Vì vậy nó phải được xem xét 1 cách tổng thể và phải gắn với hệ thống của cơ cấu ấy.

Trên kia quan điểm lí thuyết hệ thống, ta có thể coi “quản lí là sự tác động liên tục, tổ chức hướng đích của một chủ thể lên đối tượng quản lí nhằm duy trì tính trội của hệ thống, sử dụng một cách tốt nhất các tiềm năng , các cơ hội của hệ thống nhằm đưa hệ thống đến mục tiêu một cách tốt nhất trong điều kiện môi trường luôn biến động”.

(thuật ngữ tiếng Anh là Management ['mænidʒmənt], tiếng [lat.](#) *manum agere* - điều khiển bằng tay) đặc trưng cho quá trình điều khiển và dẫn hướng tất cả các bộ phận của một tổ chức, thường là tổ chức kinh tế, thông qua việc thành lập và thay đổi các nguồn tài nguyên ([nhân lực](#), [tài chính](#), [vật tư](#), [trí thức](#) và giá trị vô hình).

Đầu [thế kỷ 20](#) nhà văn quản lý [Mary Parker Follett](#) định nghĩa quản lí là "[nghệ thuật](#) khiến công việc được làm bởi người khác".

Quản lý cũng có thể hiểu là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực, các thời cơ của tổ chức để đạt mục tiêu đặt ra trong điều kiện môi trường luôn biến động

1.1.2. Đặc trưng và bản chất của nghệ thuật

Những đặc trưng của nghệ thuật có thể được mô tả bởi sự bắt chước (phản ánh cuộc sống), sự thể hiện, trao truyền cảm xúc, và những phẩm chất khác. Trong suốt thời kỳ [chủ nghĩa lãng mạn](#), nghệ thuật được xem là "một lĩnh vực đặc biệt của tâm thức con người, giống như tôn giáo và khoa học" Mặc dù không có một định nghĩa thống nhất về nghệ thuật, và cách nhìn về nó cũng thay đổi theo thời gian, những mô tả chung về nghệ thuật đề cập đến ý tưởng về một kỹ năng kỹ thuật hay trí tưởng tượng bắt nguồn từ khả năng tác động của con người và sự sáng tạo.

Bản chất của nghệ thuật, và những khái niệm có liên quan như sáng tạo và sự diễn dịch. Bản chất của nghệ thuật được triết gia Richard Wollheim mô tả như là "một trong những vấn đề xưa nay khó nắm bắt nhất của văn hóa con người". Nghệ thuật được định nghĩa như là phương tiện để diễn đạt hay trao truyền cảm xúc và ý tưởng, một phương tiện để khám phá và thưởng lãm những yếu tố hình thức, hay như sự bắt chước (*mimesis*) hay thể hiện. Nghệ thuật như là sự bắt chước có nguồn gốc sâu xa trong triết học [Aristotle](#). [Goethe](#) định nghĩa nghệ thuật nghệ thuật như là một "cái khác", theo nghĩa là một "[tự nhiên](#) thứ hai". [Leo Tolstoy](#) xem nghệ thuật là một cách sử dụng những nghĩa phi trực tiếp để truyền đạt từ người này sang người khác. Benedetto Croce và R.G. Collingwood cho rằng nghệ thuật diễn tả cảm xúc, và tác phẩm nghệ thuật do đó tồn tại chủ yếu trong trí tưởng của người sáng tạo. Lý thuyết nghệ thuật dưới dạng là một hình thức luận có nguồn gốc trong triết học của [Immanuel Kant](#), và được Roger Fry và Clive Bell phát triển trong đầu thế kỷ 20. Gần đây hơn, các nhà tư tưởng chịu ảnh hưởng của [Martin Heidegger](#) đã diễn giải nghệ thuật như là phương tiện mà một cộng đồng phát triển cho chính mình để tạo môi trường cho sự tự thể hiện và sự diễn dịch.

1.1.3. Phân loại các hoạt động nghệ thuật

Có nhiều cách sắp xếp và phân loại, nhưng danh sách phân loại theo Hengel được nhiều người đồng tình nhất và còn giữ cho đến ngày nay. đó là :

+ Nghệ thuật tạo hình – thị giác (không gian) (tĩnh)

 Kiến trúc

 Điêu khắc

 Hội họa

 Đồ họa

+ Nghệ thuật âm thanh – thính giác (thời gian – động)

Âm nhạc

Văn học

+ Nghệ thuật biểu diễn thị - thính giác (không – thời gian/ tổng hợp – động)

Sân khấu

Điện ảnh

(Theo MF. Ôp-xi-an-nhi-cốp (2001), mỹ học cơ bản-nâng cao, NXB VHNT, tr. 392)

Tại sao Kiến trúc được xếp đầu tiên? Kiến trúc thường được xem là một trong các nghệ thuật thị giác; tuy nhiên, giống như các loại hình nghệ thuật trang trí, nó liên quan đến sự sáng tạo ra các vật thể cho những công dụng cụ thể, một điều hoàn toàn khác với, chẳng hạn, hội họa. [Âm nhạc](#), [kịch](#), [điện ảnh](#), [múa](#), và những môn [nghệ thuật trình diễn](#) khác, cũng như [văn chương](#), và những phương tiện truyền thông tương tác, được bao gồm trong một định nghĩa rộng hơn về nghệ thuật, gọi chung là [các môn nghệ thuật](#). Điều này do bởi tìm cho mình 1 nơi cư trú là nhu cầu nguyên thủy của xã hội loài người, bắt đầu từ hang động tự nhiên cho đến khi 2 yếu tố cơ bản của kiến trúc là cột và xà ra đời tách con người khỏi hang trú tự nhiên tạo dựng nên kiểu nhà ở sơ khai.

Khi tín ngưỡng hình thành cùng với việc đẽo gọt đá, gỗ làm vật thờ cúng thì mới đến sự ra đời của điêu khắc

Hội họa tiếp nối bằng những tranh khắc trên vách hang động từ hơn 3500 TCN

3 loại nghệ thuật có kiểu thưởng thức thị giác có từ xa xưa được gộp chung là kế tiếp là những trang trí trong hang động, cột, xà là 2 yếu tố tạo thành kiến trúc thoát khỏi hang động tự nhiên để tạo dựng nên 1 kiểu nhà ở sơ khai

Điêu khắc ra đời từ những tảng đá, cây gỗ được đẽo gọt làm vật thờ cúng.

Từ đẽo gọt, trang trí vật thờ cúng tạo nên hội họa bắt đầu tranh hang động từ hơn 3500 trước công nguyên. 3 loại hình nghệ thuật này gắn kết kiểu thưởng thức thị giác trước đây được gộp chung là kiến trúc.

Âm thanh dùng để báo tin, âm thanh có nhiều cung bậc tạo nên âm nhạc.. Có thể gõ, hú.. Âm nhạc ra đời. Thời sơ khai mang âm hưởng từ những lời tán tụng, kể lễ thương tiếc hay tôn sùng. Thơ ra đời bắt đầu khi ngôn ngữ đã phát triển hoàn chỉnh tạo nên văn học

Múa xuất phát từ điệu bộ và cử chỉ mô tả lại sinh hoạt hoặc sự kiện chiến thắng, tổng hợp từ âm thanh, ngôn ngữ..

Nghệ thuật sân khấu Điện ảnh ra đời sau này tổng hợp gần như tất cả các loại hình nghệ thuật trên có âm thanh, có múa, hát.

1.1.4. Chức năng của các hoạt động nghệ thuật

Chức năng sáng tạo

Sự sáng tạo đều nảy sinh từ thực tiễn cuộc sống. Với những sinh hoạt hằng ngày, với những hình ảnh, âm thanh, cử chỉ..., con người đã bắt đầu có những ý tưởng mới, những thử nghiệm mới với ước mong cuộc sống của mình ngày một hoàn hảo hơn ngày một thỏa mãn hơn.

Mỹ thuật chính là một trong những yếu tố đã tác động lên con người làm cho con người muốn lao động, muốn tìm tòi, muốn nghiên cứu, đó là hành vi của sự sáng tạo. Một người nghệ sĩ khi nghe một bản nhạc hay, khi nhìn thấy một tác phẩm nghệ thuật khiến mình yêu thích thì sẽ có sự rung cảm trong tâm hồn và điều này tác động ngược lại đến suy nghĩ của họ, khiến họ có thể sản sinh ra những ý tưởng mới, những sáng kiến khác biệt. Đó chính là sự sáng tạo thông qua nghệ thuật.

Hoạt động sáng tạo liên quan đến nghệ thuật nói chung hay mỹ thuật nói riêng. Đó là một hoạt động phong phú về nội dung và đề tài, đa dạng dạng về hình thức, thể loại và phong cách biểu hiện. Một số tác phẩm mới có giá trị tư tưởng và nghệ thuật được quần chúng hoan nghênh. Nhiều hình thức văn hoá truyền thống được khôi phục.

Đối với trẻ em, Mỹ thuật sẽ giúp các em phát triển nhận thức thẩm mỹ, biết cảm nhận và rung động trước cái đẹp trong nghệ thuật, cuộc sống và thiên nhiên. Ngoài ra, mỹ thuật còn giúp các em thêm tự tin, biết tìm tòi, khám phá, phát huy bộc lộ cá tính bản thân, phát triển khả năng tư duy về hình ảnh, trí tưởng tượng và sáng tạo. Sau cùng, quan trọng hơn cả là giúp các em có thêm cảm hứng, niềm tin, tình yêu đối với cuộc sống, con người và nghệ thuật, hướng tâm hồn, tình cảm của các em đến với những điều tốt đẹp, nhân bản, nhân văn.

Chức năng thưởng thức

Khi nói đến thưởng thức cần phải hiểu theo hướng: thư giãn, giải trí qua nghệ thuật. Chúng đem lại sự thoải mái, vui vẻ, hoá giải được những phiền não, căng thẳng do mưu sinh phải tập trung sức lực vào lao động chân tay và

lao động trí óc, do vướng vào những hệ lụy không mong muốn hoặc bất khả kháng từ những mối quan hệ xã hội ràng buộc... Qua đó, người ta lấy lại được sự cân bằng về tâm - sinh lý, duy trì được một sức khoẻ tâm thần cần thiết để tiếp tục tồn tại, lao động và sáng tạo, có một đời sống gia đình ổn định, hoà hợp với thiên nhiên, gắn bó chan hoà với nhân quần hướng thiện.

Thưởng thức ở đây bao gồm cả người sáng tạo lẫn người thưởng ngoạn. Người sáng tạo khi lao động nghệ thuật đến khi đạt được thành quả như mình mong muốn thì lúc này sẽ có sự hài lòng thỏa mãn và vui thích, đó chính là quá trình thưởng thức của người sáng tạo. Đối với người thưởng ngoạn thì khi xem những tác phẩm sẽ có những cảm nhận khác nhau, có những tác phẩm làm cho bản thân người xem cảm thấy phấn chấn, yêu đời, có những tác phẩm lại khơi gợi cho người xem một chút luyến tiếc một chút buồn... Và cũng có trường hợp sáng tác để giết thời gian, sáng tác để giải khuây, cuộc sống thì muôn vàn hoàn cảnh...Ta có thể thấy điều đó như sau:

Với lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhà cách mạng của dân tộc và của cách mạng vô sản, người khai sáng con đường cách mạng Việt Nam theo chủ nghĩa Mác - Lênin, từ kinh nghiệm bản thân, Người ghi nhận tác dụng tiêu khiển tích cực của sáng tạo nghệ thuật trong niềm vui và cảm hứng nghệ thuật, người sáng tạo vượt lên sự bó buộc của hoàn cảnh, những nỗi khổ cực dày vò thân xác hàng ngày để có được một chỗ dựa tinh thần, tin vào ngày mai sẽ tìm thấy tự do của cá nhân trong tự do của dân tộc.

Sau này, trong hoàn cảnh đất nước giành được độc lập, xây dựng và phát triển nền văn nghệ dân tộc, cho nhân dân, vì nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn lưu ý đến các khía cạnh "phong phú", "vui tươi", hấp dẫn và "bổ ích" của sáng tác văn nghệ. Người khuyên văn nghệ sĩ quan tâm đáp ứng các nhu cầu của đại chúng: "Quần chúng mong mỗi những tác phẩm có nội dung chân thực và phong phú, có hình thức trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có bổ ích"

Chức năng nhận thức

Với người nghệ sỹ, cảm xúc là một cấu tạo tâm lý xuất hiện thường xuyên trong cuộc sống họ. Có thể nói rằng, khi tiếp nhận cuộc sống hiện tại, song song với quá trình thưởng thức thì cảm xúc của người nghệ sỹ cũng tuân theo. Cảm xúc đã tác động mạnh đến tri thức của người nghệ sỹ và điều này đã hình thành nên một nhận thức nhất định.

Nghệ thuật làm lây lan sang con người nhiều cảm xúc và nghệ thuật được xây dựng trên cơ sở sự lây lan này. Tônxtôi nói: "Sự hoạt động của nghệ thuật chính là dựa trên cái khả năng những người này bị lây cảm xúc của những người khác... Những cảm xúc hết sức đa dạng, rất mạnh mẽ và yếu ớt, rất có ý nghĩa và rất nhỏ nhặt, rất xấu xa và rất tốt đẹp, chỉ cần chúng lây lan sang được độc giả, khán giả, thính giả sẽ làm nên đối tượng của nghệ thuật"

Có thể nói, lây lan là quá trình chuyển toả trạng thái cảm xúc từ cá thể này sang cá thể khác ở cấp độ tâm sinh lý, xảy ra một cách nhanh chóng, mạnh mẽ, nằm ngoài những tác động qua lại ở cấp ý thức – tư tưởng. Khi con người rung động, họ trải qua nhiều cung bậc của cảm xúc. Chính những cung bậc cảm xúc này, kết hợp với trình độ, sự hiểu biết của từng người mà sự nhận thức cũng có sự khác nhau.

Điều đó lý giải tại sao có người dễ dàng chấp nhận nghệ thuật chỉ là những đường nét rõ ràng hình hài cụ thể, có người lại cho rằng nghệ thuật là cái gì đó phải cao siêu và khó hiểu... Tất cả những luồng ý kiến, quan niệm đối lập nhau xảy ra là điều tất yếu vì mỗi người đều có những trình độ và khả năng nhận thức khác nhau.

Mặt khác mối quan hệ giữa nghệ thuật và đạo đức là mối quan hệ khá chặt chẽ. Bản chất nhận thức của nghệ thuật và ý nghĩa thẩm mỹ của nó có lẽ bộc lộ rõ nét nhất trong mối quan hệ nhận thức khoa học. Bởi vì, nghệ thuật có khả năng gợi mở to lớn trong việc nhận thức chân lý khoa học, nhất là khả năng tiên đoán và tính vượt trước của nghệ thuật so với thế giới hiện thực.

Chức năng giáo dục

Chức năng giáo dục của nghệ thuật trước hết là giáo dục thẩm mỹ. Đó là quá trình nâng cao năng lực thẩm mỹ của mỗi con người trong đó có việc bồi dưỡng các cảm xúc thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ. Xây dựng những tình cảm lành mạnh, trong sáng, mạnh mẽ để con người có thể phân biệt rạch ròi giữa cái cũ – cái mới, giữa cái xấu – cái đẹp là công việc trọng tâm của giáo dục thẩm mỹ. Vì vậy, chức năng giáo dục của nghệ thuật chủ yếu thể hiện ở những nội dung sau đây:

Giáo dục các quan điểm thẩm mỹ đúng đắn, khoa học và tiến bộ.

Giáo dục khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo nghệ thuật.

Giáo dục các xúc cảm thẩm mỹ trong sáng và tốt đẹp dựa trên hệ tiêu chí cơ bản: chân thiện mỹ.

Giáo dục các thị hiếu lành mạnh trong việc giải quyết mối quan hệ giữa thị hiếu cá nhân – xã hội.

Giáo dục lý tưởng thẩm mỹ cao đẹp và lý tưởng xã hội chân chính.

Giáo dục hoàn thiện các quan hệ xã hội thông qua giáo dục chính trị – tư tưởng, đạo đức trong tình yêu, tình bạn, tình đồng nghiệp, tình đồng chí, quan hệ cá nhân – tập thể – dân tộc – tổ quốc.

Chức năng thông tin

Ta đã có sự nhìn nhận nghệ thuật - mỹ thuật từ thuở sơ khai tại Việt Nam:

Những đường nét, hình khắc mặt người và thú ở hang Đồng Nội tỉnh Hòa Bình, cách đây khoảng 10000 năm cho thấy năng lực phán đoán ước lệ về tỷ lệ độ dài của con người thời xưa.

Tranh Ngũ hổ của Hàng Trống, mặc dù tất cả những màu sắc trên hồ chỉ là mang tính ước lệ nhưng nó thể hiện quan niệm, triết lý của người xưa, ẩn chứa trong những màu sắc đó là quy luật tương sinh của thuyết Âm Dương Ngũ Hành với năm mệnh Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Bề mặt trống đồng Ngọc lũ với những họa tiết, hình ảnh trên mặt trống cho biết sinh hoạt thường ngày, lễ hội, tín ngưỡng... của xã hội thời bấy giờ.

Ngoài ra, trong cuộc sống hiện nay, mỹ thuật với những hình dạng, thể loại khác nhau vẫn đang ngày ngày kề cận bên con người, giúp cho con người có những thông tin một cách chính xác nhanh chóng và hiệu quả nhất, ta dễ dàng thấy một poster quảng cáo hay một bức tranh cổ động hoặc một bảng hiệu hướng dẫn ...đó chính là mỹ thuật ứng dụng đồ họa, một dạng mỹ thuật mà hầu như ai cũng biết đến.

Mỹ thuật thật gần gũi và thật dễ hiểu, mỹ thuật như một món ăn không thể thiếu của tâm hồn. Tuy nhiên với cách nhìn nhận mỹ thuật theo lối hàn lâm đã làm cho mỹ thuật trở nên đông đánh kiêu sa và quyền quý. Ta không đặt mỹ thuật ở vị trí thấp nhưng ta thấy mỹ thuật là một chủ đề rộng lớn và phổ biến trong cuộc sống. Vậy nên, chúng ta những người đang hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật cần có những hành động những suy nghĩ những hướng tuyên truyền phổ biến để mọi người hiểu nghệ thuật - mỹ thuật là gì. Chúng ta cần tạo ra những sân chơi, những sản phẩm nghệ thuật, những chủ đề đa dạng hơn, gần gũi hơn với cuộc sống lao động của những người dân còn khó khăn.

Mặt khác, khi tiếp thu những cái mới hay tạo ra một trào lưu mới cho mỹ thuật cũng cần xem mục đích chính của hoạt động này là gì. Không nên

vinh danh sự sáng tạo để làm lu mờ đi giá trị của mỹ thuật, làm cho mỹ thuật trở nên lỗi thời và phản cảm với công chúng.

Tóm lại, mỹ thuật có nhiều thể loại, nhiều cấp bậc khác nhau. Mỹ thuật có thể tiếp cận nhiều đối tượng, mỹ thuật là cuộc sống và cuộc sống thì không của riêng ai.

1.2. Những nội dung của quản lí các hoạt động nghệ thuật

1.2.1. Định hướng phát triển nghệ thuật

Hoạt động tổ chức nghệ thuật có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, luôn thu hút đông đảo quần chúng tham gia, góp phần giáo dục, định hướng về thẩm mĩ, phong cách, đạo đức, lối sống đến người xem, nhất là giới trẻ. Vì vậy, để quản lí tốt các hoạt động nghệ thuật, cần đưa ra những định hướng cụ thể sau:

- + Tham mưu để xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn đối với hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp của ngành quản lí văn hóa
- + Đưa ra những vấn đề về phương hướng phát triển nghệ thuật, phong cách biểu diễn của các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp ; chế độ chính sách, đào tạo và bồi dưỡng nghệ sĩ diễn viên của đất nước.
- + Lập kế hoạch; thẩm định và chịu trách nhiệm duyệt các chương trình, kịch bản, tiết mục phục vụ nhiệm vụ chính trị của các đơn vị nghệ thuật, báo cáo, xem xét phê duyệt thực hiện.
- + Nghiên cứu, tổ chức hội thảo chuyên đề liên quan đến bảo tồn và phát triển nghệ thuật.
- + Đánh giá, bình xét nghệ sĩ, diễn viên, tác giả, tác phẩm...

1.2.2. Quản lí nhà nước đối với các hoạt động nghệ thuật

*** Khái niệm quản lí nhà nước**

Khi nói đến quản lí nhà nước bao giờ cũng phải tìm hiểu khái niệm tổ chức bởi : “Nhà nước là một tập hợp các tổ chức được xây dựng thành 1 hệ thống khoa học, tập trung nhất. Nhà nước là 1 tổ chức quyền lực cao nhất của nhân dân đại diện cho ý chí nguyện vọng của nhân dân. Tổ chức là một nhóm có cấu trúc nhất định, những con người liên kết với nhau, cùng hoạt động vì mục tiêu chung, mà để đạt được hiệu quả ấy một cá nhân đơn lẻ không thể làm được.

Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với quá trình xã hội và hành vi của con người, để duy trì và phát triển những mối quan hệ của xã hội, trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của nhà nước”. (Giáo trình Luật hành chính trường ĐH quốc gia Hà nội)

Theo giáo trình Luật hành chính Việt nam của trường ĐH luật Hà nội có định nghĩa : “Quản lý nhà nước VN là hoạt động chấp hành và điều hành của cơ quan nhà nước VN (hoặc tổ chức nếu được nhà nước uỷ quyền) được tiến hành trên cơ sở tiến hành luật nhằm thực hiện các chức năng quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Đảng cộng sản Việt nam có ghi rõ : “Quản lý nhà nước bằng pháp luật chứ không phải bằng đạo lí. Pháp luật là thể chế hoá đường lối chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân. phải thực hiện thống nhất trong cả nước”.

Trong những năm qua việc ban hành và thực thi quy chế hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật đã góp phần làm cho các loại hình nghệ thuật phát triển, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, nhiều chương trình nghệ thuật có chất lượng, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của nhân dân, để lại ấn tượng đẹp với bạn bè quốc tế. Về các nhiệm vụ cụ thể trong việc quản lý các hoạt động nghệ thuật:

- + Tham mưu và xây dựng dự thảo các văn bản pháp quy về quản lý hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp. Hướng dẫn thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- + Tham mưu thẩm định, cấp phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn, chương trình biểu diễn thời trang ở trong nước và có yếu tố nước ngoài cho các đối tượng (đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp, đơn vị có chức năng biểu diễn nghệ thuật, biểu diễn thời trang ; các tổ chức kinh tế – xã hội khi tổ chức biểu diễn chuyên nghiệp không bán vé tại nhà hàng, vũ trường; cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội không có chức năng biểu diễn nghệ thuật có nhu cầu tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có doanh thu nhằm mục đích phục vụ công tác xã hội, từ thiện; tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam
- + Quản lý các hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh, điện ảnh, cấp phép và hướng dẫn hoạt động triển lãm mỹ thuật, triển lãm ảnh, các cuộc thi ảnh nghệ thuật, liên hoan ảnh, sao chép tác phẩm mỹ thuật

- + Thẩm định, cấp phép về phần mỹ thuật đối với các dự án xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
- + Duyệt nội dung biểu diễn của các đoàn nghệ thuật trong nước và nước ngoài, các đơn vị không chuyên biểu diễn
- + Phối hợp với Phòng Quản lý văn hóa trong đề nghị cấp phép lưu hành phim nhựa, băng, đĩa (phim, ca nhạc, sân khấu);
- + Quản lý và chịu trách nhiệm với các công việc có liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm văn học nghệ thuật.
- + Tổ chức các công việc phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nghệ thuật
- + Tham mưu, quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, hướng dẫn hoạt động đối với các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật theo quy định của pháp luật.
- + Tham mưu đề xuất các biện pháp phòng, chống, ngăn chặn các hoạt động vi phạm pháp luật về nghệ thuật.
- + Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước hoạt động nghệ thuật đối với phòng văn hóa thông tin thuộc UBND quận, huyện, thành phố trên cả nước
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đảng, chính Phủ và nhà nước khi giao thuộc lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân loại các hoạt động nghệ thuật ? Cho ví dụ cụ thể ?
2. Phân tích chức năng của các hoạt động nghệ thuật ? Liên hệ thực tế ?
3. Phân tích vai trò của nhà nước trong việc quản lý các hoạt động nghệ thuật ? cho ví dụ ?

Chương 2: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BIỂU DIỄN NGHỆ THUẬT

2.1. Khái niệm và phân loại biểu diễn nghệ thuật

2.1.1. Khái niệm biểu diễn nghệ thuật

Nghệ thuật biểu diễn là những hình thức nghệ thuật khác với nghệ thuật tạo hình trước đây: nghệ thuật biểu diễn sử dụng cơ thể, mặt và sự có mặt của chính nghệ sĩ làm phương tiện trình diễn, trong khi nghệ thuật trước đây sử dụng các vật liệu như đất sét, kim loại hoặc sơn có thể được đúc hoặc biến đổi để tạo ra một số đối tượng vật chất cho nghệ thuật. Thuật ngữ "nghệ thuật biểu diễn" đầu tiên xuất hiện trong tiếng Anh vào năm 1711

Nghệ thuật biểu diễn được thể hiện trong sự giải thích tác phẩm nghệ thuật, dẫn dắt của tác phẩm nghệ thuật nhờ nội dung của nó, biểu diễn bằng các hình tượng nghệ thuật. Là lời cuốn sự chú ý động viên khả năng sáng tạo, thức tỉnh và thúc đẩy thị hiếu âm nhạc và tài năng biểu diễn của người nghệ sỹ để tác động tới công chúng. Nó chính là sức mạnh lớn lao làm thay đổi nhận thức và hành động của con người, mang một chuỗi sáng tạo liên tục từ người viết tác phẩm, đến đạo diễn, diễn viên, đến những người làm kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, mỹ thuật... những người chuẩn bị đạo cụ phục vụ cho biểu diễn. Có như vậy mới diễn đạt được một cách hiệu quả về cái đẹp, nội dung tác phẩm mà họ muốn trình bày mang lại cho khán thính giả những ý tưởng đúng đắn và có đầy đủ giá trị.

Ở tại châu Âu, đặc biệt là thời kỳ Văn minh Hy Lạp cổ đại cách đây hàng ngàn năm, người ta xây dựng lên sân khấu khổng lồ mà người ta gọi là diễn trường để biểu diễn. Thời kỳ đó loại hình biểu diễn chính là kịch. Các vở hài kịch do các tác giả thời bấy giờ sáng tác như: Ecxin, Xophoc, Arich... đồng thời nơi đây cũng là nơi để tổ chức các cuộc lễ hội tế thần, và các sinh hoạt cộng đồng khác.

Thời La Mã cách nay 2000 năm đã xây dựng nên một diễn trường mang tên Colido vĩ đại, có cấu trúc ba mặt gần giống như sân vận động ngày nay, có thể chứa được 87.000 người xem, bức tường vây xung quanh cao tới 50m và được trạm trổ hết sức công phu. Cho đến ngày nay vẫn còn lưu giữ được một phần nhỏ nguyên vẹn của diễn trường này.

Biểu diễn nghệ thuật là buổi trình diễn các tiết mục, vở diễn trực tiếp trước công chúng; là loại hình nghệ thuật sử dụng không gian sân khấu để thể hiện, truyền tải nội dung của các tác phẩm phi vật thể đến với công chúng.

2.2.2. Các loại hình biểu diễn nghệ thuật

Nghệ thuật biểu diễn là nghệ thuật tổng hợp, nó bao gồm cả: ca, múa, nhạc, họa, kịch, thơ, triết học, mỹ học... đồng hành cùng với sự thể hiện khát vọng của con người. Với những đề tài khác nhau như ca ngợi quê hương đất nước, ca ngợi hạnh phúc lứa đôi, ca ngợi lý tưởng yêu nước thương dân, trôn nghĩa tình, phê phán cái ác, cái xấu.

Loại hình nghệ thuật biểu diễn bao gồm: Nghệ thuật truyền thống (tuồng, chèo, cải lương, múa rối, bài chòi,...); nghệ thuật hiện đại (rockshow, dance sport, 3D mapping, trình diễn pháo hoa nghệ thuật...). Các tác phẩm sân khấu, điện ảnh, ca múa nhạc ngoài đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh

thần và giải trí đa dạng còn góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm, lối sống của công chúng.

Nghệ thuật biểu diễn của các nghệ sỹ thường được biểu đạt thông qua các cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, giọng nói theo các kịch bản đã định. Tùy thuộc vào thể loại, phong cách và không gian sân khấu, các nghệ sỹ sẽ chọn cho mình một phương pháp diễn để thể hiện tốt nhất vai của mình.

Biểu diễn nghệ thuật hiện đại còn sử dụng các phương tiện kỹ thuật để hỗ trợ các hiệu ứng, tạo những trường phái cảm giác cực kì mới lạ cho người thưởng thức. Chưa bao giờ các hình thức biểu diễn lại đa dạng và đại chúng như những năm gần đây. Tất cả mọi người đều có thể tham gia biểu diễn nghệ thuật hoặc thưởng thức nghệ thuật tại các buổi biểu diễn mang tính cộng đồng.

Trước đây, hoạt động biểu diễn nghệ thuật tại Việt Nam phần lớn do Nhà nước đầu tư. Hiện nay, một số đơn vị nghệ thuật xã hội hoá do tư nhân đảm nhận rất năng động, đã tạo nên một diện mạo mới, sinh động hơn cho sự phát triển của sân khấu. Các hoạt động biểu diễn nghệ thuật do tư nhân tổ chức ngày càng quy mô và thu hút đông đảo sự tham gia của công chúng.

2.2. Quản lý nhà nước đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật

Phát triển nghệ thuật biểu diễn đi đúng hướng dân tộc, khoa học, đại chúng chắc chắn không thể thiếu vai trò then chốt của quản lý nhà nước.

Đảng và Nhà nước ta luôn coi văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực, mục tiêu của CNXH. Việc quản lý nhằm bảo tồn, kế thừa, phát triển những giá trị văn hóa dân tộc là quốc sách hàng đầu được ghi nhận trong các bản hiến pháp. Một trong những lĩnh vực hoạt động phổ biến trong đời sống văn hóa xã hội ở nước ta, có ảnh hưởng mạnh mẽ tới tư tưởng, tình cảm, nhận thức của nhiều người đó là hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Sự tác động của khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, của quá trình giao lưu văn hóa và hội nhập kinh tế đã đưa nghệ thuật biểu diễn không chỉ trở thành sản phẩm tinh thần đáp ứng nhu cầu của quần chúng mà còn trở thành một bộ phận của kinh tế thị trường phát triển năng động, sáng tạo. Phát triển nghệ thuật biểu diễn đi đúng hướng dân tộc, khoa học, đại chúng chắc chắn không thể thiếu vai trò then chốt của quản lý nhà nước.

2.2.1. Quan niệm về quản lý nhà nước với hoạt động biểu diễn nghệ thuật

Nghệ thuật biểu diễn bao gồm nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau vì vậy đến nay chưa có một khái niệm đầy đủ, chính xác. Mỗi khái niệm đưa ra

chỉ bao hàm được một khía cạnh nào đó. Tác giả Đinh Quang quan niệm rằng nghệ thuật biểu diễn là nghệ thuật tổng hợp, là một công trình tập thể. Tổng hợp vì nó bao gồm cả giá trị văn học, hội họa, âm nhạc, vũ đạo; thể hiện ra trong câu ca, nhạc nền, điệu bộ, dáng múa, phục trang, ánh sáng... Tập thể vì đây là công sức góp lại của nhiều người, từ đạo diễn, tác giả, diễn viên đến nhạc sĩ... Tác giả Trần Trí Trắc thì cho rằng nghệ thuật biểu diễn là sự thể hiện sáng tạo của nghệ sĩ trước khán giả, là tiếng nói từ trái tim đến trái tim, từ tình cảm đến với tình cảm và trở thành một bảo tàng sống của dân tộc. Trong hệ thống văn bản luật của nhà nước cũng nêu rõ biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp là hoạt động đưa chương trình, tiết mục, vở diễn đến với công chúng qua sự trình diễn của diễn viên chuyên nghiệp, thể hiện hình tượng nghệ thuật, phản ánh cuộc sống thông qua tác phẩm sân khấu, ca, múa, nhạc...

Xây dựng một xã hội có đời sống vật chất đầy đủ, đời sống văn hóa tinh thần phong phú, lành mạnh là mục tiêu mà Đảng, Nhà nước và toàn dân đang theo đuổi. Trong đó các hoạt động văn hóa nói chung và hoạt động biểu diễn nghệ thuật nói riêng càng cần được định hướng và quản lý nhằm phục vụ hiệu quả cho mục tiêu đó. Quản lý trong xã hội nói chung là quá trình tổ chức điều hành các hoạt động nhằm đạt được những mục tiêu và yêu cầu nhất định dựa trên những quy luật khách quan. “Quản lý là sự chỉ đạo, điều khiển một hệ thống, một quá trình căn cứ vào các quy luật, định luật, nguyên tắc tương ứng để cho hệ thống, quá trình vận động theo ý muốn của người quản lý nhằm đạt mục tiêu đề ra”.

Quản lý nhà nước, theo nghĩa rộng được hiểu là hoạt động tổ chức, điều hành của cả bộ máy nhà nước, bao hàm cả sự tác động, tổ chức của quyền lực nhà nước trên các phương diện lập pháp, hành pháp và tư pháp. Theo nghĩa hẹp, quản lý nhà nước chủ yếu là quá trình tổ chức, điều hành hệ thống cơ quan hành chính nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người theo pháp luật, nhằm đạt được những mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước. Quản lý nhà nước theo nghĩa hẹp còn đồng nghĩa với khái niệm quản lý hành chính nhà nước.

Như vậy, quản lý nhà nước đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật cũng không nằm ngoài các khái niệm nêu trên. Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật là “một quá trình đi từ chỗ nắm được, nắm đúng cái hiện có; thấy được, thấy đúng cái cần có và biết tìm mọi biện pháp khả thi, tối ưu để đưa từ cái

hiện có lên cái cần có”. Quản lý nhà nước đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật là tổng lực của nhà nước trong các phạm vi, nhằm tác động phù hợp với quy luật phát triển ngành nghệ thuật biểu diễn trong những nhiệm vụ, mục đích cụ thể.

2.2.2. Tầm quan trọng của quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật

Hơn một thập niên trở lại đây, với chủ trương đổi mới toàn diện của Đảng và Nhà nước đã tạo nên một sự biến đổi và phát triển mạnh mẽ cho toàn bộ đời sống xã hội, trong đó có văn hóa nghệ thuật. Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn ngày càng đáp ứng kịp thời, linh hoạt thị hiếu, nhu cầu khác nhau của công chúng. Các loại hình nghệ thuật biểu diễn trở nên sinh động, phong phú với những hình thức, thể loại đa dạng, nội dung hấp dẫn... tạo sinh khí và sắc thái mới cho đời sống tinh thần xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, ngành nghệ thuật biểu diễn hiện nay vẫn còn những tồn tại, bất cập. Một số quốc gia lớn đang tạo áp lực đến đời sống văn hóa, nghệ thuật của nước ta, tác động không nhỏ vào quá trình nhận thức và thị hiếu về nghệ thuật, thẩm mỹ, dẫn đến hiện tượng một bộ phận giới trẻ đã bị lệch chuẩn về văn hóa. Trước sức ép về nhu cầu hưởng thụ cuộc sống, một số nghệ sĩ, người mẫu bất chấp quy định của pháp luật, coi thường chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp dẫn đến những hành vi vi phạm về thuần phong mỹ tục, đi ngược lại truyền thống văn hóa của dân tộc. Những hành vi sai phạm này đã tác động xấu đến nhận thức của giới trẻ, làm suy giảm các chức năng nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ của văn học nghệ thuật đối với đời sống xã hội.

Trên toàn quốc có khoảng gần 2.000 doanh nghiệp có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật, có khoảng gần 10.000 nghệ sĩ, người mẫu, trong đó có khoảng 1/3 ngoài công lập. Con số nghệ sĩ đông đảo, sự bùng nổ tự phát của nhiều thành phần tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật dẫn đến tình trạng cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn toàn quốc không nắm được số lượng, nhân thân của các cá nhân tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang trên địa bàn được giao quản lý.

Trong bối cảnh đó, việc uốn nắn, điều chỉnh, quản lý của các cơ quan Nhà nước có chức năng đã và đang trở thành một tất yếu khách quan vì quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật tạo môi trường thuận lợi cho ngành nghệ thuật biểu diễn phát triển, góp phần tạo nên sự ổn định về chính trị, đem lại hiệu quả kinh tế, tạo nên sự ổn định và công bằng xã hội. Hơn nữa, quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật còn nhằm bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

2.2.3. Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

*Những quy định chung

- Đối tượng và phạm vi

1. Hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của tổ chức, cá nhân Việt Nam ở nước ngoài.

- Nguyên tắc quản lý

1. Nhà nước thống nhất quản lý các hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp bằng pháp luật.
2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân được quyền chủ động sáng tạo trong biểu diễn nghệ thuật; khuyến khích việc sưu tầm, nghiên cứu, giữ gìn, phát triển nghệ thuật dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa nghệ thuật thế giới và đưa ra nước ngoài biểu diễn những chương trình nghệ thuật mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Biểu diễn và tổ chức biểu diễn chương trình, tiết mục, vở diễn có nội dung:
 - 1.1. Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - 1.2. Kích động bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc;
 - 1.3. Truyền bá tư tưởng phản động, văn hóa đồi trụy, hành vi tàn ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục Việt Nam;
 - 1.4. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng;
 - 1.5. Xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc;
 - 1.6. Xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự nhân phẩm của cá nhân.
2. Biểu diễn và tổ chức biểu diễn chương trình, tiết mục, vở diễn chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.
3. Quảng cáo mạo danh đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp; quảng cáo, giới thiệu không đúng chương trình, tiết mục, vở diễn không đúng người, đúng tên diễn viên hoặc thành tích nghệ thuật, danh hiệu nghệ thuật được Nhà nước phong tặng; để người không có trách nhiệm lên sân khấu trong khi diễn viên đang biểu diễn.
4. Thực hiện trong khi biểu diễn:
 - 4.1. Tự tiện thay đổi động tác diễn xuất, phong cách biểu diễn nghệ thuật, thêm, bớt lời ca, lời thoại khác với nội dung và hình thức thể hiện đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép công diễn mà gây hậu quả xấu;

4.2. Lợi dụng giao lưu với khán giả để có những hành vi hoặc phát ngôn không đúng với chương trình, tiết mục, vở diễn đã được duyệt, cấp phép;

4.3. Dùng các phương tiện kỹ thuật để thay thế giọng hát thật của mình;

4.4. Đối với loại hình nghệ thuật sân khấu, ca múa nhạc truyền thống, dân gian, xiếc, nghệ thuật cổ điển châu Âu: phục trang, hóa trang trái với thuần phong, mỹ tục, không phù hợp với đặc trưng loại hình nghệ thuật, không đúng với tính cách nhân vật và nội dung thể hiện giai đoạn lịch sử trong tác phẩm nghệ thuật;

4.5. Đối với loại hình nghệ thuật ca, múa, nhạc hiện đại: hóa trang tạo ra kiểu đầu tóc kinh dị, sơn, nhuộm tóc lòe loẹt, cạo trọc hoặc để tóc quá dài bù xù; trang phục hở hang, lộ liễu.

5. Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật:

5.1. Cấp các loại giấy phép không đúng thẩm quyền;

5.2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý không đúng chức năng, quyền hạn được pháp luật quy định.

*** Biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp**

- **Khái niệm** : Là hoạt động đưa chương trình, tiết mục, vở diễn đến với công chúng qua sự trình diễn của diễn viên chuyên nghiệp, thể hiện hình tượng nghệ thuật, phản ánh cuộc sống thông qua tác phẩm sân khấu, ca, múa, nhạc nhằm giáo dục tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống, nâng cao dân trí, thẩm mỹ đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Các loại hình nghệ thuật biểu diễn

Loại hình nghệ thuật biểu diễn bao gồm: Tuồng, Chèo, Cải lương, Xiếc, Múa Rối, Kịch nói, Kịch hát, Kịch câm, Dân ca kịch, Nhạc kịch, các loại hình nghệ thuật Ca - Múa - Nhạc, Ngâm thơ, Tấu hài và các loại hình nghệ thuật khác được thể hiện trên sân khấu thông qua diễn xuất của diễn viên chuyên nghiệp.

- Khái niệm diễn viên chuyên nghiệp:

Là người được đào tạo tại các trường nghệ thuật hoặc được truyền nghề về những loại hình nghệ thuật quy định tại Điều 5 Quy chế này và đang hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

- Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp

Là tổ chức hoạt động về biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập, thành lập theo quy định của Luật Doanh

ngiệp và Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19-8-1999 của Chính phủ, bao gồm:

1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp công lập gồm: đơn vị do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập.

2. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp ngoài công lập gồm:

2.1. Đơn vị được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2.2. Đơn vị nghệ thuật thành lập và hoạt động theo Nghị định số 73/1999/ NĐ-CP ngày 19-8-1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

3. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thuộc Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn.

- Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

Là đơn vị hoạt động về tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập hoặc thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp bao gồm:

1. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp công lập gồm: đơn vị do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định thành lập.

2. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ngoài công lập gồm: đơn vị được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

– Đối tượng được tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

1. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp công lập gồm:

1.1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp ghi tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này;

1.2. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ghi tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

2. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ngoài công lập gồm:

2.1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp ghi tại điểm 2.1 khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

2.2. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19-8-1999 của Chính phủ về chính

sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quy chế này;

2.3. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp ghi tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

3. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thuộc Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn được quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

4. Các đối tượng khác tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ nội bộ gồm:

4.1. Chủ địa điểm (khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, cửa hàng ăn uống, giải khát, điểm vui chơi giải trí công cộng);

4.2. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội.

- Điều kiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp

1. Có giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn do Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch cấp, theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này.

2. Có giấy tiếp nhận biểu diễn của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch địa phương nơi đơn vị đến tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

*** Quyền lợi và nghĩa vụ của đơn vị nghệ thuật; đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp**

1. Quyền lợi:

1.1. Được tổ chức biểu diễn nghệ thuật và được Nhà nước bảo hộ quyền sáng tạo nghệ thuật của mình trước công chúng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

1.2. Được thu nhập tài chính bằng lao động nghệ thuật chuyên nghiệp hợp pháp;

1.3. Được chủ động xây dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.4. Được sử dụng tác phẩm theo quy định của pháp luật về quyền tác giả;

1.5. Được huy động các nguồn tài chính hợp pháp cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.6. Được tuyển chọn và đào tạo diễn viên.

2. Nghĩa vụ:

- 2.1. Tham gia biểu diễn nghệ thuật phục vụ chính trị, xã hội, từ thiện theo yêu cầu của Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa - Thông tin;
- 2.2. Đảm bảo chất lượng chương trình nghệ thuật đã được cấp phép công diễn. Trường hợp đặc biệt cần thay đổi, bổ sung tiết mục phải được sự đồng ý của cơ quan cấp phép hoặc Sở Văn hóa - Thông tin nơi đơn vị đến lưu diễn;
- 2.3. Đảm bảo an ninh, trật tự trong khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật;
- 2.4. Trong quá trình biểu diễn phát hiện có vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam, phải dừng biểu diễn và báo cáo cơ quan cấp phép (trường hợp biểu diễn ở nước ngoài phải báo cáo Đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam) giải quyết;
- 2.5. Thực hiện nghĩa vụ về thuế, các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quảng cáo, các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.
- 2.6. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài phải thực hiện Nghị định số 72/2000/NĐ-CP ngày 05-12-2000 của Chính phủ về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài, pháp luật Việt Nam, các quy định pháp luật nước sở tại về cư trú, đi lại và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc tổ chức biểu diễn nghệ thuật có yếu tố nước ngoài, phải gửi văn bản báo cáo kết quả hoạt động về cơ quan cấp phép.

*** Quyền lợi và nghĩa vụ của diễn viên chuyên nghiệp**

1. Quyền lợi:

- 1.1. Được hưởng các quyền của người biểu diễn, được sử dụng tác phẩm theo quy định của pháp luật về quyền tác giả và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;
- 1.2. Được Nhà nước bảo hộ quyền sáng tạo nghệ thuật trước công chúng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- 1.3. Được thu nhập tài chính bằng những lao động nghệ thuật chuyên nghiệp hợp pháp;
- 1.4. Được huy động các nguồn tài chính theo quy định của pháp luật cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;
- 1.5. Được ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- 1.6. Được nhà nước tạo điều kiện để nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, văn hóa;

1.7. Được hưởng các quyền lợi về vật chất và tinh thần khác theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

2. Nghĩa vụ:

2.1. Tham gia biểu diễn nghệ thuật phục vụ chính trị, xã hội, từ thiện theo yêu cầu của Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch

2.2. Thường xuyên học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ để không ngừng nâng cao trình độ phục vụ nhân dân;

2.3. Thực hiện nghĩa vụ thuế, các quy định của pháp luật về quyền tác giả, quảng cáo và các quy định tại Quy chế này. Khi biểu diễn nghệ thuật ở nước ngoài phải thực hiện Nghị định số 72/2000/NĐ-CP ngày 05-12-2000 của Chính phủ về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài, pháp luật Việt Nam, các quy định pháp luật nước sở tại về cư trú, đi lại và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.4. Trường hợp đi ra nước ngoài với mục đích khác sau đó tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Quy chế này. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày về nước, diễn viên phải báo cáo chương trình, tiết mục, vở diễn đã biểu diễn ở nước ngoài cho Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch nơi diễn viên thường trú hoặc đăng ký tạm trú theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này.

*** Hoạt động biểu diễn và tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có yếu tố nước ngoài**

1. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp:

1.1. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.2. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài và diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

2. Hoạt động tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp:

2.1. Tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.2. Tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.3. Tổ chức cho diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.4. Tổ chức cho người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

2.5. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ở Việt Nam của các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

*** Điều kiện tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp**

1. Có giấy mời của đối tác nước ngoài hoặc trong nước.

2. Có đơn đề nghị, gửi kèm theo danh sách thành viên tham gia (ghi rõ họ tên, chức vụ, nghề nghiệp) và nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn sẽ biểu diễn ở nước ngoài.

3. Có văn bản hợp đồng hoặc thỏa thuận với đối tác nước ngoài.

4. Nơi nộp hồ sơ: đơn vị gửi hồ sơ (gồm các văn bản quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này) về Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này.

5. Trường hợp diễn viên đi ra nước ngoài dưới mục đích khác sau đó tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp phải thực hiện:

5.1. Làm thủ tục bổ sung hoặc chuyển đổi mục đích nhập cảnh tại cơ quan cấp thị thực ở nước sở tại;

5.2. Có văn bản báo cáo tới Đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại, nội dung nêu rõ: họ tên, số điện thoại, địa chỉ cá nhân khi cần liên hệ; nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn; địa chỉ đối tượng tổ chức biểu diễn; thời gian, địa điểm biểu diễn.

*** Điều kiện tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp**

1. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài:

1.1. Có đơn đề nghị của đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam, gửi kèm nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn, danh sách thành viên tham gia (ghi rõ họ tên, chức vụ, nghề nghiệp);

1.2. Có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản giữa đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam với đối tác mời;

1.3. Gửi băng, đĩa (Video - VCD - DVD) ghi chương trình, tiết mục, vở diễn sẽ biểu diễn tại Việt Nam (khi cơ quan cấp phép yêu cầu).

2. Diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài:

2.1. Có đủ điều kiện quy định tại điểm 1.1, 1.2 khoản 1 Điều này;

2.2. Có ý kiến bằng văn bản của Đại sứ quán hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước sở tại về việc diễn viên về nước biểu diễn.

3. Diễn viên là người nước ngoài đang sinh sống tại Việt Nam:

3.1. Có đơn đề nghị của đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam;

3.2. Có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản giữa đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam với đối tác mời.

4. Nơi nộp hồ sơ:

4.1. Tổ chức cho đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài, người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam (quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này) gửi hồ sơ về Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này;

4.2. Tổ chức cho diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài (quy định tại khoản 2 Điều này) gửi hồ sơ về Cục Nghệ thuật biểu diễn.

*** Điều kiện tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của các tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam**

1. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại địa điểm đăng ký hoạt động phải thực hiện:

1.1. Gửi văn bản đăng ký thời gian và nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn đến Sở Văn hóa - Thông tin nơi đặt địa điểm hoạt động;

1.2. Thời gian gửi đăng ký ít nhất 05 ngày làm việc trước khi tổ chức biểu diễn.

2. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ngoài địa điểm đăng ký hoạt động phải thực hiện:

2.1. Thông qua một đơn vị có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Việt Nam;

2.2. Có giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn do Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch cấp, theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này;

2.3. Có giấy tiếp nhận cho phép biểu diễn của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch địa phương nơi đơn vị đến tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

3. Chương trình biểu diễn có mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài, người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam hoặc diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, phải thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

*** Quyền lợi và nghĩa vụ của đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài, người nước ngoài đang sinh sống ở Việt Nam, diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại Việt Nam**

1. Quyền lợi :

1.1. Được thu nhập tài chính bằng lao động nghệ thuật chuyên nghiệp hợp pháp;

1.2. Được sử dụng tác phẩm theo quy định của pháp luật về quyền tác giả;

1.3. Được huy động các nguồn tài chính hợp pháp cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.4. Được Nhà nước Việt Nam bảo hộ, tạo điều kiện thuận lợi để biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trước công chúng theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia;

1.5. Được cơ quan chức năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

2. Nghĩa vụ: thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, thực hiện quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Việt Nam.

*** Phân cấp quản lý trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch là cơ quan được Chính phủ giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc, có trách nhiệm và quyền hạn:

1.1. Quản lý mọi hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc;

1.2. Cho phép đơn vị nghệ thuật Trung ương, diễn viên thuộc các đơn vị nghệ thuật Trung ương ra nước ngoài; đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.3. Cho phép đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật Việt Nam mời diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

1.4. Đình chỉ hoạt động biểu diễn những chương trình, tiết mục, vở diễn, diễn viên cố tình làm trái quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Cục Nghệ thuật biểu diễn là cơ quan chịu trách nhiệm trước Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp tại địa phương, có trách nhiệm và quyền hạn:

3.1. Quản lý mọi hoạt động biểu diễn nghệ thuật tại địa phương;

3.2. Cho phép các đơn vị nghệ thuật, diễn viên thuộc địa phương ra nước ngoài; đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

4. Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của đơn vị trực thuộc.

*** Trách nhiệm và quyền hạn của Cục Nghệ thuật biểu diễn**

1. Duyệt, cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn ở trong nước và có yếu tố nước ngoài cho các đối tượng:

1.1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;

1.2. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thuộc Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội thuộc Trung ương.

2. Đề xuất nhân sự, xây dựng chương trình nghệ thuật lớn ở trong nước và tổ chức ra nước ngoài biểu diễn do Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch yêu cầu.

3. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch đình chỉ hoạt động biểu diễn, những chương trình, tiết mục, vở diễn nghệ thuật, diễn viên có tình hình trái với Quy chế này và các quy định có liên quan.

4. Tiếp nhận hồ sơ và xin ý kiến cơ quan chức năng trước khi trình Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch cho phép đơn vị nghệ thuật Trung ương, diễn viên thuộc Trung ương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

5. Tiếp nhận hồ sơ và xin ý kiến cơ quan chức năng trước khi trình Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch cho phép:

5.1. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc Trung ương mời đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

5.2. Đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp Việt Nam mời diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước biểu diễn nghệ thuật trên phạm vi toàn quốc.

6. Phối hợp với Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

*** Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch**

1. Duyệt, cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn ở trong nước và có yếu tố nước ngoài cho các đối tượng:

1.1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc địa phương;

1.2. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn chuyên nghiệp thuộc Hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn thuộc địa phương;

1.3. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nơi đặt trụ sở chính tại địa phương, không có chức năng tổ chức biểu diễn nghệ thuật muốn tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có doanh thu nhằm mục đích phục vụ công tác xã hội, từ thiện (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền cấp phép của Cục Nghệ thuật biểu diễn quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 20 Quy chế này);

1.4. Duyệt, cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn cho các đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật do Cục Nghệ thuật biểu diễn ủy quyền.

2. Tiếp nhận đăng ký tổ chức biểu diễn nghệ thuật (trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do) cho các đối tượng sau đây:

2.1. Tổ chức nước ngoài; tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam đặt trụ sở chính tại địa phương tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp quy định tại điểm 2.5 khoản 2 Điều 14 Quy chế này;

2.2. Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 9 Quy chế này tổ chức cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 16 Quy chế này biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp.

3. Cấp giấy tiếp nhận biểu diễn, giấy phép quảng cáo cho đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đã được Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh, thành phố khác cấp giấy phép công diễn đến biểu diễn tại địa phương.

4. Tiếp nhận hồ sơ và xin ý kiến các cơ quan chức năng trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép :

4.1. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

4.2. Đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài vào địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp;

5. Tiếp nhận hồ sơ và cho phép người nước ngoài đang sinh sống tại địa phương biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên địa bàn.

6. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trên địa bàn.

7. Báo cáo hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp có yếu tố nước ngoài do địa phương quản lý về Cục Nghệ thuật biểu diễn vào tháng 12 hàng năm để theo dõi.

*** Thủ tục và thời gian cấp giấy phép công diễn**

1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp xin cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn gửi hồ sơ về Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch theo phân cấp quản lý tại Điều 20, 21 Quy chế này. Hồ sơ gồm:

1.1. Đơn xin phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn ghi rõ: tên chương trình, tiết mục, vở diễn, thời gian, địa điểm công diễn;

1.2. Bản tóm tắt nội dung chương trình, tiết mục, vở diễn, danh sách tác giả, đạo diễn, biên đạo, nhạc sĩ, họa sĩ, diễn viên tham gia;

1.3. Trong chương trình, tiết mục, vở diễn có đơn vị nghệ thuật, diễn viên nước ngoài tham gia phải có quyết định cho phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo phân cấp quản lý tại Điều 19 Quy chế này;

1.4. Trong chương, trình tiết mục, vở diễn có diễn viên là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia phải có quyết định cho phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp của Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch

1.5. Các đơn vị nghệ thuật được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 73/1999/ NĐ-CP của Chính phủ, các đơn vị nghệ thuật, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nộp bản sao có công chứng quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch có trách nhiệm xem xét cấp giấy phép công diễn chương trình, tiết mục, vở diễn. Trường hợp không cấp phép phải trả lời cho đơn vị xin phép bằng văn bản và nêu rõ lý do.

*** Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm**

- Trách nhiệm và quyền hạn của Thanh tra

1. Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thi hành Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong phạm vi toàn quốc.

2. Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thi hành Quy chế hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong phạm vi địa phương.

- Xử lý vi phạm

1. Đơn vị nghệ thuật biểu diễn, đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật và diễn viên chuyên nghiệp thực hiện các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, nếu có hành vi vi phạm tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phải làm đúng chức năng, quyền hạn được giao. Tổ chức, cá nhân nào lợi dụng chức vụ quyền hạn trong việc cấp phép, kiểm tra, thanh tra, quyết định xử phạt sai, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần cho đơn vị, diễn viên chuyên nghiệp, tùy theo tính chất, mức độ sai phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2.2.4. Quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên là một sân chơi bổ ích để người dân giao lưu văn hóa, củng cố tinh thần sau những giờ lao động vất vả và phát huy hết khả năng sáng tạo nghệ thuật của mình. Không chỉ vậy mà hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên còn là công cụ tuyên truyền các chính sách, đường lối của Đảng và nhà nước rất sắc bén. Công cụ ấy rất gần gũi với mỗi người dân Việt Nam, dễ đi sâu vào tâm hồn và có tính thuyết phục cao đối với đông đảo quần chúng. Tuy nhiên đội ngũ diễn viên hoạt động trong lĩnh vực này chưa chuyên nghiệp nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động. Chính vì vậy hoạt động quản lý biểu diễn nghệ thuật không chuyên đang là một vấn đề cấp bách của đất nước đòi hỏi sự quan tâm của toàn Đảng và toàn dân. Làm tốt vấn đề này để nâng cao dân trí, bắt kịp sự phát triển văn hóa của đất nước, góp phần ổn định và phát triển đất nước. Đối tượng hướng tới là các hoạt động văn hóa – văn nghệ quần chúng, các nhà quản lý văn hóa, các chính sách có tác động đến hoạt động quản lý biểu diễn nghệ thuật không chuyên. Đặc biệt chú trọng nghiên cứu thực trạng hoạt động biểu diễn và quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật nhằm tìm ra những điểm mạnh, hạn chế, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu và trình bày những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

Hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên được mọi người tham gia với tư cách vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là khách thể thưởng thức, do vậy được đông đảo người dân tham gia không phân biệt tuổi tác, trình độ, tôn giáo, dân tộc, tín ngưỡng... Do đông đảo quần chúng trực tiếp tham gia hoạt động nên phong trào nghệ thuật quần chúng trong đó có âm nhạc mau chóng phát triển, lan tỏa và rộng khắp đã góp phần nâng cao giá trị văn hóa, tạo ra những động lực tinh thần trong thi đua, lao động và sản xuất.

- Quản lý các hoạt động nghệ thuật không chuyên vùng nông thôn và miền núi

Miền núi có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn do đặc thù vùng miền tương đối khác biệt và mang những đặc điểm riêng.

Xây dựng văn hóa tại nhiều vùng nông nghiệp là một đặc điểm ở Việt Nam. Đa số người dân sống tại làng quê với đơn vị hành chính xã gồm nhiều làng, thôn, bản, vì vậy văn nghệ là nhu cầu không thể thiếu của quần chúng trong khi những đoàn ca múa chuyên nghiệp chưa có điều kiện phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, người dân nơi đây luôn coi biểu diễn nghệ thuật như một cơ hội gặp gỡ, sinh hoạt, cộng đồng góp phần tạo nên quan hệ cộng sinh, cộng cảm. Âm nhạc là một hình thức phổ biến và cán bộ Văn hóa xã là

người trực tiếp xây dựng phong trào, xây dựng các hoạt động tập thể như:

Thành lập đội văn nghệ không chuyên với nội dung phục vụ bà con trong xã. Để xây dựng chương trình trước hết cần phải tìm kiếm hạt nhân cho phong trào, những người có giọng ca tốt, thuộc nhiều bài hát dân ca trong vùng, những nghệ nhân thường xuyên đóng góp công sức của mình khi làng, xã mở hội xuân, tết, thanh niên nam nữ có khả năng và yêu thích văn nghệ được tập trung vào đội.

Sau khi thành lập, với sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Ủy ban nhân dân xã, đội văn nghệ xây dựng chương trình luyện tập tiết mục và kế hoạch biểu diễn để phục vụ đồng bào cơ sở.

Hàng năm mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn âm nhạc như dạy các bài hát mới ca ngợi Đảng, Bác Hồ, quê hương đất nước... hoặc chỉnh lý, cải biên dân ca trong vùng để trình độ nghệ thuật ngày một nâng cao.

Thường xuyên có chương trình giao lưu với các xã, thôn, bản xung quanh tạo cơ hội học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

Tích cực chủ động mở hội diễn cấp xã tìm kiếm người tài năng để phát triển đội văn nghệ và tham gia hội diễn cấp huyện trên thị trấn.

- Quản lý các hoạt động nghệ thuật không chuyên cấp huyện

Huyện Là đơn vị hành chính gồm nhiều xã, hoạt động âm nhạc cấp huyện đóng vai trò quản lý và điều hành. Hàng năm xây dựng chương trình hội diễn đội văn nghệ các xã tham gia trong đó âm nhạc là hoạt động có tính xuyên suốt.

Tổ chức hội diễn gồm có Phòng Văn hóa trực thuộc ủy ban nhân dân huyện, Sở Văn hóa - thể thao – du lịch, nhà văn hóa, ...kết hợp với đài phát thanh – truyền hình hoặc báo đài và các phương tiện thông tin đại chúng, an ninh chuẩn bị hội diễn. Để người dân có điều kiện hưởng thụ nghệ thuật và đưa âm nhạc vào đời sống, cần có mấy phương hướng chính sau:

Xây dựng phong trào hát dân ca với nhiều nội dung phong phú, khai thác mạnh những vùng dân ca phát triển nhất là vùng có tộc người sinh sống. Mặt khác sưu tầm những làn điệu cổ được lưu giữ trong thế hệ lớp người cao tuổi, bổ sung, chỉnh lý, nâng cao những làn điệu phổ biến được nhiều người hát trên đài phát thanh

Mở các lớp hát, nhạc, bồi dưỡng hằng năm làm hạt nhân của phong trào, đào tạo những người có năng khiếu làm nguồn bổ sung.

Tuyên truyền tích cực những ca khúc ca ngợi quê hương, đất nước, Đảng, Bác Hồ kính yêu trong những ngày lễ lớn của dân tộc.

Những tiết mục hay trong hội diễn quảng bá tới các xã để người dân thưởng thức, thông qua đó xây dựng đời sống văn hóa.

Phối hợp với cơ quan với cơ quan chức năng trong huyện như an ninh, quốc phòng nghiêm cấm văn hóa phẩm độc hại như hải ngoại, băng đĩa hình có nội dung không lành mạnh, đi ngược lại lòng tự hào dân tộc, tinh thần yêu nước.

- Quản lí các hoạt động nghệ thuật không chuyên trong các thành phố đô thị lớn:

So với vùng nông thôn và miền núi, hoạt động nghệ thuật không chuyên trong thành phố có đặc điểm khác hẳn hình thức tổ chức theo địa bàn thành phố có đặc điểm khác hẳn hình thức tổ chức theo địa bàn hành chính phường và quận. Thiết chế văn hóa nhiều thành phố chưa đồng đều, đội ngũ cán bộ hoạt động chủ yếu làm văn hóa cơ sở, khả năng hiểu biết âm nhạc còn hạn hẹp.

Điều kiện kinh tế - xã hội dân cư cùng sinh sống trên đường phố có nghề nghiệp đa dạng, không thống nhất như làng, bản, xóm... do vậy hoạt động âm nhạc có nhiều khó khăn, chủ yếu xây dựng chương trình văn nghệ theo nội dung phong trào thực hiện theo lứa tuổi và giới. Ví dụ: Chương trình thiếu nhi, thanh niên phường, phụ nữ, cựu chiến binh... theo những mảng đề tài dựa vào các ngày lễ hội của dân tộc hoặc các ngày kỉ niệm như: 8/3, 26/3, 30/4, 19/5, 1/6.... Tổ chức những chương trình này cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Ủy ban nhân dân phường, quận, huyện, cùng các đơn vị trực thuộc về văn hóa, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh... nhằm tạo nên phong trào toàn dân. Chức năng cán bộ phong trào thể hiện rõ nét qua sinh hoạt văn hóa trong nghệ thuật quần chúng.

Cho đến nay, chức năng văn hóa xã hội được quan tâm đầu tư bởi hiệu quả phù hợp với cơ cấu công tác quản lí, tổ chức, xây dựng các chương trình trong phong trào văn hóa – nghệ thuật quần chúng vai trò âm nhạc được xem như một nhân tố cơ bản bởi mọi người đều yêu thích loại hình nghệ thuật này. Xem xét nội dung công tác hàng năm của Nhà văn hóa, chúng ta nhận thấy nhiều mảng hoạt động đều liên quan tới âm nhạc. Phong trào văn nghệ quần chúng phần chủ yếu vẫn là ca hát, hoặc hát múa... do vậy tổ chức âm nhạc trong Nhà văn hóa như một nhiệm vụ trung tâm, nếu thiếu nó rất khó hình thành phong trào. Hoạt động âm nhạc Nhà văn hóa chủ yếu gồm:

- Dàn dựng chương trình ca múa nhạc
- Tổ chức hoạt động âm nhạc thường kì: câu lạc bộ sở thích, câu lạc bộ đơn ca, câu lạc bộ nghệ thuật...

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ âm nhạc quần chúng.
- Tập huấn chương trình, phong trào cho xã, phường...

Ngoài ra, âm nhạc còn sử dụng trong thông tin – tuyên truyền, kịch, sân khấu, múa... rất hữu hiệu và phổ biến. Hoạt động âm nhạc trong Nhà Văn hóa cần được đẩy mạnh, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn bởi trong xu thế xã hội hóa, nghệ thuật đã góp phần nâng cao thẩm mỹ của nhân dân trong giai đoạn hiện nay hơn trước rất nhiều. Việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ âm nhạc biết tổ chức, hoạt động, chỉ đạo hướng dẫn đặc biệt là kỹ năng nghiệp vụ như hát, chơi đàn, đọc bản nhạc... càng trở nên cần thiết.

2.3. Những bất cập và giải pháp trong công tác quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật hiện nay

2.3.1. Những bất cập trong công tác quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn hiện nay

- Xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực, vi phạm trong quá trình tổ chức hoạt động biểu diễn. Đó là, tổ chức biểu diễn không có giấy phép; không đúng nội dung giấy phép; lợi dụng giấy giới thiệu của cơ quan nhà nước để ký hợp đồng biểu diễn, tổ chức bán vé thu tiền nhưng không thực hiện đúng hợp đồng, bán vé quá số ghế quy định; tự ý tăng giá vé; quảng cáo sai sự thật - không đúng nội dung, thời gian chương trình biểu diễn; mạo danh, sử dụng không đúng tên, nghệ danh của ca sĩ, diễn viên đã được cơ quan có thẩm quyền duyệt; sử dụng tác phẩm biểu diễn thu tiền nhưng không thực thi quyền tác giả, không trả tiền tác quyền cho nhạc sĩ; sử dụng thiết bị thu âm trước để thể hiện thay cho biểu diễn thật ("hát nhép"); sử dụng những bài hát chưa được phép phổ biến; người biểu diễn tự ý thêm bớt lời ca, động tác biểu diễn và trang phục phản cảm, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc... Những điều này đã làm ảnh hưởng đến phong cách thẩm mỹ của một bộ phận giới trẻ, đồng thời gây những bức xúc trong dư luận xã hội. Bên cạnh đó là những hoạt động biểu diễn lộn xộn, một số nghệ sĩ sử dụng chiêu trò để nổi tiếng, bất chấp đạo lý, văn hóa, thuần phong mỹ tục; nhiều chương trình liên tục sai phạm trong quá trình thực hiện...

* Nguyên nhân:

Những tình trạng xảy ra nêu trên có nguyên nhân của sự buông lỏng quản lý, từ khâu thẩm định chương trình, hồ sơ cấp phép đến kiểm tra giám sát, xử lý vi phạm, công tác cấp phép và kiểm duyệt chưa có sự phối hợp nhịp nhàng... dẫn đến tình trạng chương trình được cấp phép một kiểu, duyệt một

kiểu và biểu diễn lại khác. Như vậy, nguyên nhân đầu tiên dẫn đến tình trạng tiêu cực thuộc về trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

Những sai phạm trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang có trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị tổ chức và cả ca sĩ, người mẫu... mà nguyên nhân sâu xa nhất chính là vì lợi ích kinh tế. Chạy theo kinh doanh lợi nhuận, một số công ty, đơn vị tổ chức nghệ thuật và "bầu sô" bằng mọi giá, tìm mọi cách thu hút người xem, bán được nhiều vé. Họ sẵn sàng chấp nhận những yếu tố phản cảm, tầm mỹ thấp kém, dung tục miễn sao thu được nhiều lợi nhuận. Có rất nhiều nhà tổ chức không hề sợ hay ngần ngại trong việc vi phạm để đạt được mục đích cuối cùng là lợi nhuận kinh doanh. Một số ca sĩ, người mẫu cũng chạy theo lối sống tôn thờ đồng tiền, sẵn sàng đánh mất lòng tự trọng, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân. Do nhận thức còn non yếu, thiếu văn hoá cũng như cách làm "ăn xổi", thiếu chuyên nghiệp và không tôn trọng khán giả, một số ca sĩ luôn luôn háo danh, háo lợi, lười biếng lao động nghệ thuật đã "hát nhép" trong các cuộc biểu diễn. Một bộ phận ca sĩ, diễn viên, người mẫu hoạt động tự do không chịu sự quản lý của bất cứ tổ chức nào dẫn đến sự dễ dãi, buông thả trong biểu diễn.

- Chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang chưa đủ sức răn đe, vì vậy, một số đơn vị tổ chức, cá nhân vẫn cố tình vi phạm. Việc cấp giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang chủ yếu thực hiện trên hồ sơ, do đó một số vi phạm thường gặp trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật vẫn còn tồn tại như quảng cáo không đúng sự thật, tổ chức biểu diễn không đúng nội dung trong giấy phép. Ở một số tỉnh hay các thành phố như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng diện tích rộng, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn khá nhiều. Tuy nhiên, lực lượng thanh tra còn tương đối mỏng, gây không ít khó khăn cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang... Tình trạng đơn vị tổ chức biểu diễn, nghệ sĩ sử dụng các phương tiện kỹ thuật thay cho đàn thật, giọng hát thật ("đàn nhép", "hát nhép") đã giảm đáng kể song vẫn còn tồn tại. Một số nghệ sĩ trẻ, năng lực nghệ thuật chưa đủ nhưng "hát nhép" rất tinh vi; "hát nhép", hát thật lẫn lộn trong khi biểu diễn, khiến người kiểm

tra rất khó phát hiện. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng ca sĩ biểu diễn mặc trang phục phản cảm, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, cho thấy sự thiếu tôn trọng công chúng và thể hiện sự thấp kém về trình độ văn hóa.

Các tổ chức nghệ thuật vẫn đang trông chờ quá nhiều vào sự tài trợ của Nhà nước. Họ chưa chủ động trong việc tìm ra nguồn lực cho chính mình. Hơn nữa, những đơn vị nghệ thuật biểu diễn vẫn chưa hình thành được hoặc thiếu đội ngũ chuyên gia chuyên về vận động các nguồn lực xã hội để tài trợ, gây quỹ. Trong khi đó, nguồn kinh phí tài trợ cho các tổ chức nghệ thuật trong nước từ các quỹ như Quỹ giao lưu văn hóa Việt Nam-Đan Mạch; Quỹ hỗ trợ phát triển văn hóa Việt Nam-Thụy Điển đều do Chính phủ Thụy Điển và Đan Mạch viện trợ chứ chưa huy động được từ các nguồn khác trong xã hội. Hơn nữa, Văn hóa-Nghệ thuật vốn là lĩnh vực rất rộng lớn, bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên ngành khác nhau nên chỉ một Quỹ văn hóa như trước đây sẽ không giải quyết được vấn đề đa dạng hóa và tăng cường nguồn lực tài chính cho Văn hóa-Nghệ thuật

2.3.2. Những giải pháp trong công tác quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn hiện nay

Những hạn chế trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn hiện nay ngoài sự tác động khách quan của nền kinh tế thị trường còn phải nói đến vai trò chủ quan của công tác quản lý. Nguyên nhân sâu xa là sự thiếu nghiêm minh, khoa học ở ba khâu: quản lý hoạt động cấp phép, quản lý đơn vị tổ chức và quản lý đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên. Vấn đề đặt ra cho các chủ thể quản lý là phải căn cứ tình trạng thực tế, dựa trên cơ sở các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước đề ra các biện pháp có tính chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động nghệ thuật.

Quy hoạch lại mạng lưới các đoàn nghệ thuật biểu diễn

Tùy theo điều kiện của từng địa phương và thực tế của các đơn vị nghệ thuật để sắp xếp, quy hoạch theo hướng giảm dần các đoàn nghệ thuật công lập, tránh chồng chéo về loại hình hoạt động. Ở cấp trung ương cần giữ nguyên các đơn vị nghệ thuật truyền thống song song với việc đầu tư phát triển một số đơn vị nghệ thuật hiện đại, thực hiện tốt cơ chế tự hạch toán theo phương thức khoán chi hành chính và từng bước thực hiện chính sách xã hội hóa. Ở các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM cần giữ nguyên và tiếp tục đầu tư cho các đơn vị hoạt động hiệu quả, đúng phương hướng; chuyển dần các đơn vị hoạt động kém hiệu quả sang hình thức bán công hoặc dân lập. Đối

với các tỉnh, thành phố khác thì cần tập trung xây dựng một đơn vị nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của địa phương hoặc xây dựng đơn vị nghệ thuật tổng hợp đối với vùng đông dân cư

Đầu tư cho sáng tác và dàn dựng tiết mục

Muốn có những tác phẩm đạt chất lượng cao, xứng đáng với tầm vóc của đất nước, phù hợp với xu thế thời đại, đáp ứng nhu cầu của công chúng, cần tập trung mở các cuộc vận động sáng tác, các cuộc thi có mục đích và nội dung cụ thể. Trên cơ sở kết quả của các cuộc vận động này, đầu tư kinh phí cho những tác phẩm xuất sắc, giao cho một số đơn vị nghệ thuật và nghệ sĩ có uy tín để dàn dựng.

Bên cạnh đó, phải đầu tư cho tác giả, đạo diễn đi thực tế để tác phẩm của họ mang hơi thở cuộc sống, đáp ứng được mong mỏi của công chúng. Tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, tổ chức hội thảo và tọa đàm nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm, tạo hướng mới cho sáng tác. Mở các lớp tập huấn sáng tác, kỹ thuật dàn dựng... để nâng cao tri thức cho đội ngũ đạo diễn và kỹ thuật viên...

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật

Cả nước hiện có khoảng 130 đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, hơn 200 đoàn nghệ thuật xã hội hóa, hơn 42.000 đội văn nghệ cấp xã, phường, hàng trăm đội thông tin tuyên truyền và gần 200 câu lạc bộ nghệ thuật tư nhân. Tuy nhiên, hầu như hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị không đáp ứng được những yêu cầu về công năng biểu diễn chuyên nghiệp và nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của công chúng.

Xuất phát từ thực tế đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần xem xét, định hướng xây dựng, cải tạo các rạp, điểm biểu diễn nghệ thuật. Đối với các đơn vị nghệ thuật truyền thống dân tộc, đảm bảo đầu tư 100% trang thiết bị phục vụ biểu diễn và đầu tư tối thiểu 70% cho các loại hình nghệ thuật hiện đại.

Cải thiện chế độ, chính sách đối với nghệ sĩ, diễn viên

Những bất cập về chế độ, chính sách, đào tạo nguồn nhân lực đối với nghệ sĩ đang ảnh hưởng tới sức sáng tạo và sự phát triển của ngành nghệ thuật biểu diễn. Đặc biệt, đối với đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên, thang lương hiện nay gồm 3 hạng, 26 bậc không phù hợp với đặc thù của hoạt động nghệ thuật. Bên cạnh đó, mức phụ cấp nghề nghiệp thấp cũng chưa bù đắp được công sức luyện tập nặng nhọc, phải thường xuyên di chuyển và hoạt động của người nghệ sĩ. Cần có chính sách ưu tiên cụ thể cho họ như điều chỉnh lại mức lương, rút ngắn số thang bậc để nghệ sĩ có quỹ thời gian phấn đấu trong quá trình

công tác; điều chỉnh chế độ phụ cấp, chế độ ưu đãi với các nghệ sĩ, diễn viên có nhiều cống hiến và đạt danh hiệu cao.

Đổi mới công tác quản lý

Phải tăng cường phối hợp quản lý giữa Cục nghệ thuật biểu diễn và các cấp, ngành trong việc sản xuất và chuyển tải các sản phẩm đến với công chúng. Xác lập một hệ thống cơ quan quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp chủ động xây dựng văn bản phục vụ công tác quản lý.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị nghệ thuật biểu diễn và năng lực đội ngũ cán bộ, nghệ sĩ

Thực tế cho thấy hoạt động biểu diễn nghệ thuật còn xảy ra nhiều tiêu cực. Ngoài lý do công tác quản lý thiếu hiệu quả thì một phần không nhỏ là do năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý còn yếu kém về chuyên môn, đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên thiếu sáng tạo, chưa nhanh nhạy nắm bắt thực tế...

Để khắc phục tình trạng này, bên cạnh sự cố gắng của các cơ quan quản lý nhà nước thì bản thân các đơn vị hoạt động biểu diễn nghệ thuật phải có biện pháp, hướng đi riêng. Chủ động trong việc quản lý, đào tạo nghệ sĩ, diễn viên thuộc đơn vị mình, nắm rõ năng lực từng người để bố trí công việc đúng vị trí, khả năng. Chủ động tạo nguồn kinh phí cho hoạt động nghệ thuật từ các nguồn đầu tư, viện trợ. Đặc biệt, các đơn vị hoạt động biểu diễn nghệ thuật nên chú trọng mở rộng việc tuyển chọn các tài năng nghệ thuật trẻ có năng lực, từng bước trẻ hóa đội ngũ nghệ sĩ, diễn viên, tạo sức sống cho ngành nghệ thuật biểu diễn Việt Nam.

Biểu diễn nghệ thuật không chỉ giữ vai trò đặc biệt trong đời sống xã hội mà còn là một bộ phận của nền kinh tế thị trường, phát triển trong năng động, sáng tạo. Nhưng những mặt trái của kinh tế thị trường và xu thế toàn cầu hóa đang đẩy nghệ thuật biểu diễn vào tình trạng lộn xộn, gây tác hại về văn hóa, chính trị, tư tưởng... Trước tình hình đó, hơn bất kỳ biện pháp nào, quản lý nhà nước chính là cách thức hiệu quả nhất. Sự quản lý kết hợp giữa mềm dẻo, năng động với kỷ cương, kỷ luật; giữa thuyết phục và cưỡng chế; giữa tập trung và dân chủ sẽ tạo ra sự ổn định và phát triển cho nghệ thuật biểu diễn Việt Nam.

Để hoạt động nghệ thuật biểu diễn phát triển lành mạnh, góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong thời gian tới rất cần triển khai thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Trước hết, phải có sự phối hợp đồng bộ từ các cơ quan quản lý nhà nước. Hiện tại, có 128 đơn vị nghệ thuật công lập và một loạt các đơn vị xã hội hóa tham gia vào hoạt động biểu diễn. Khi đơn vị tổ chức biểu diễn muốn biểu diễn được phải xuất trình giấy phép công diễn nghệ thuật, kèm theo nội dung chương trình biểu diễn, giấy phép quảng cáo và nhất thiết phải có sự cho phép, đồng ý của địa phương nơi tổ chức. Do vậy, nếu quảng cáo không phép, sai phép, sai nội dung chương trình, sai tên nghệ sĩ diễn viên thì Phòng Văn hóa tại nơi biểu diễn phải là cơ quan xử lý kịp thời, ngăn chặn các vi phạm xảy ra. Cần nâng cao trách nhiệm của các nhà quản lý, nhà tổ chức chương trình, bởi hiện nay thường trong các buổi tổng duyệt chương trình biểu diễn nghệ thuật, nhất là các chương trình ca nhạc mới chỉ chú trọng thẩm định, kiểm duyệt về mặt chuyên môn nên rất dễ để lọt việc mặc trang phục phản cảm lên sân khấu.

Thứ hai, cần đẩy mạnh giáo dục, nâng cao nhận thức về văn hóa đối với những nghệ sĩ biểu diễn và các "bầu sô". Đặc biệt là đề cao sự tự nhận thức của bản thân nghệ sĩ. Để giải quyết tận gốc những biểu hiện thiếu thẩm mỹ xảy ra trong giới biểu diễn nghệ thuật, ngoài những giải pháp mang tính quản lý, cần phải có chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để nâng cao nhận thức thẩm mỹ và đạo đức của người biểu diễn, cũng như cần phải có giải pháp đào tạo, định hướng về thẩm mỹ cho công chúng, đặc biệt là đối với giới trẻ.

Ngoài các biện pháp mang tính hành chính, kinh tế, chúng ta cũng cần đẩy mạnh việc giáo dục thẩm mỹ, đạo đức nghề nghiệp cho những người tham gia hoạt động biểu diễn, nhất là với những người không được đào tạo bài bản ở các cơ sở đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp, để chính họ phải có trách nhiệm trước công chúng, từ đó nâng mình lên để có mỹ quan và ý thức phục vụ khán giả tốt hơn. Làm sao để "chân, thiện, mỹ" được thăng hoa chứ không chỉ đơn giản là việc áp đặt các chế tài, để từ đó nghệ sĩ và khán giả đều trở thành những người có trách nhiệm chung với xã hội.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang theo hướng cụ thể, đồng bộ, tăng cường hiệu lực răn đe của các chế tài xử phạt, tránh tình trạng xử phạt nhưng vô hình trung lại trở thành "quảng cáo" cho đối tượng vi phạm, như đã từng xảy ra ở một số trường hợp ca sĩ, người mẫu./.

Nuôi dưỡng và phát triển các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống

Trong xã hội hiện đại, tâm lý hưởng thụ nghệ thuật nói chung nghệ thuật biểu diễn truyền thống (Tuồng, Chèo, Cải lương, Dân ca, Kịch nói, Dân ca kịch, Xiếc, Múa rối...) của khán giả cũng có nhiều thay đổi. Thời gian qua sân khấu truyền thống vẫn loay hoay với những vở diễn, chương trình nghệ thuật chưa đặc sắc, đổi mới để phù hợp với thị hiếu của khán giả.... Dẫn đến, những loại hình nghệ thuật này đang dần mất đi khán giả đặc biệt là khán giả trẻ.

Nghệ thuật biểu diễn truyền thống muốn vực dậy và phát triển không còn cách nào khác phải có sự đổi mới năng động và sáng tạo trong việc tìm đến công chúng.

- Thay đổi cách tiếp cận với công chúng:

Quan điểm về chiến lược phát triển khán giả chưa tồn tại trong thực tế quản lý của các đoàn nghệ thuật và nhà hát. Một phần do nhiều đơn vị nghệ thuật này chưa thực sự quan tâm đến khán giả (do được nhà nước hỗ trợ kinh phí biểu diễn). Mặt khác, nhiều đơn vị khác hiểu được khán giả của họ muốn gì nhưng lại không có năng lực lập kế hoạch tiến hành các biện pháp tiếp thị, quảng bá để nghệ thuật đến với khán giả.

Theo Cục nghệ thuật biểu diễn -Bộ Văn hóa Thể Thao và Du Lịch, cả nước có hơn 130 nhà hát, đoàn nghệ thuật của Trung ương và địa phương. Tất nhiên nhà hát nghệ thuật chuyên nghiệp trực thuộc Bộ và các Sở Văn hóa Thể thao Du Lịch địa phương được tài trợ 100% cho các hoạt động trong suốt thời gian dài. Trong môi trường như vậy, họ hoàn toàn lấy các tác phẩm làm định hướng cho việc phục vụ và khán giả. Nguồn thu từ bán vé không nhất thiết là nguồn sống của các nhà hát, đoàn nghệ thuật biểu diễn. Bởi vậy, những người quản lý đã không quan tâm đến việc khán giả của họ là ai cũng như việc quảng bá cho sản phẩm nghệ thuật của mình. Hầu hết các chương trình nghệ thuật, vở diễn mới của các nhà hát Tuồng, Chèo, Cải lương...không thu hút được khán giả trên địa bàn các địa phương ngay cả Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, dẫn đến tình trạng phải thường xuyên lưu diễn ngoại tỉnh.

Trong vòng một thập kỷ trở lại đây khi nguồn tài trợ của các cơ quan trung ương và địa phương bị giảm sút, thậm chí bị cắt bỏ hoàn toàn thì nhiều nhà hát mới bắt đầu xây dựng các chiến lược nhằm tăng số lượng khán giả, xác định nhu cầu thưởng thức của các nhóm công chúng để hướng tới. Tuy nhiên,

vai trò của công tác tiếp thị trong nghệ thuật biểu diễn chỉ bắt đầu được tìm hiểu, ứng dụng và thực hiện trong nhiều nhà hát nghệ thuật chuyên nghiệp.

Hiện nay, 80% nhà hát, đơn vị nghệ thuật ở Việt Nam chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng của công tác thông tin quảng cáo các chương trình biểu diễn nghệ thuật. Bởi vậy, đã xảy ra tình trạng có những chương trình nghệ thuật rất hay mà vẫn không bán được vé, vì đông đảo khán giả thiếu những thông tin về vở diễn. Chỉ có khoảng 20% các nhà hát, đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp ở Việt Nam sử dụng có hiệu quả khâu thông tin quảng cáo cho chương trình biểu diễn trên báo chí, truyền hình đài phát thanh, các phương tiện thông tin đại chúng bằng băng băng rôn, tờ rơi, áp phích. Mặc dù công tác, quảng bá tiếp thị này chỉ chiếm phần rất nhỏ trong kinh phí của một chương trình biểu diễn tại Việt Nam. Ngoài ra, rất ít các nhà hát ở Việt Nam (thậm chí trên đầu ngón tay) biết thiết lập những quan hệ thông tin một cách có hiệu quả với báo chí, xúc tiến giới thiệu chương trình biểu diễn nghệ thuật, tiếp cận với đông đảo công chúng qua những hệ thống liên lạc phổ biến: điện thoại, website, internet....

Đã đến lúc những người hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật nói chung phải thay đổi cách suy nghĩ cố hữu coi lĩnh vực nghệ thuật là lĩnh vực đặc thù, là ngành nghề phi sản xuất.... Đẩy mạnh các hoạt động thu hút khán giả bằng những cách thức mới. Có như vậy các loại hình nghệ thuật biểu diễn mới tự chủ được nguồn thu để đứng vững và phát triển.

- Xã hội hóa tài trợ hoạt động biểu diễn:

Tài trợ cho nghệ thuật không phải là một vấn đề quá mới vì các tổ chức nghệ thuật muốn phát triển không thể chỉ dựa vào chính mình mà rất cần đến các nguồn hỗ trợ. Trước đây, tài trợ cho nghệ thuật từ phía Nhà nước, đã giúp cho hoạt động nghệ thuật biểu diễn phát triển theo hướng đúng đắn, phù hợp với đặc điểm văn hóa của đất nước. Thế nhưng, giai đoạn hiện nay, nguồn kinh phí có hạn, trong khi rất nhiều lĩnh vực khác cũng cần đến sự hỗ trợ từ Nhà nước. Do vậy, xu hướng xã hội hóa nguồn tài trợ hoạt động biểu diễn là một tất yếu.

Do vậy, các tổ chức nghệ thuật biểu diễn cũng cần phải thành lập quỹ riêng với những mục tiêu, tiêu chí tài trợ riêng.

Để việc tài trợ cho nghệ thuật ở Việt Nam đạt hiệu quả tốt hơn, nghệ thuật có thể thu hút nhiều tài trợ hơn, chúng ta cần nhiều giải pháp đồng bộ. Chẳng hạn, khuyến khích thành lập các công ty, tập đoàn lớn, các cơ quan

trọng điểm trong lĩnh vực nghệ thuật để hình thành một thị trường văn hóa-nghệ thuật. Bên cạnh đó, công tác đào tạo nhân lực quản lý nghệ thuật biểu diễn cần được quan tâm hơn nữa. Và việc xây dựng và nâng cao năng lực cho đội ngũ có trình độ hiểu biết về lĩnh vực tài trợ cho nghệ thuật biểu diễn hay hoạt động tiếp thị là cũng một việc rất cấp thiết. Có được nhân tố con người thì các cơ cấu còn lại mới có thể vận hành theo đúng ý định của nhà quản lý.

Ngoài ra, cần xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong đó nhấn mạnh đến việc tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động tài trợ cho nghệ thuật, chỉ rõ những lợi ích mà họ và cộng đồng được hưởng nhờ các tài trợ này

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân biệt các loại hình biểu diễn nghệ thuật ? Cho ví dụ ?
2. Phân tích tầm quan trọng của quản lý hoạt động biểu diễn nghệ thuật ? Cho ví dụ chứng minh ?
3. Phân biệt hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên ? Cho ví dụ cụ thể ?
4. Vai trò của quản lý nhà nước đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp ? Cho ví dụ
5. Vai trò của quản lý nhà nước đối với hoạt động biểu diễn nghệ thuật không chuyên ? Cho ví dụ ?
6. Phân tích những bất cập trong công tác quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn hiện nay ? Liên hệ thực tế ?
7. Phân tích những giải pháp trong công tác quản lý hoạt động nghệ thuật biểu diễn hiện nay ? Cho ví dụ cụ thể ?

Chương 3: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG QUẢNG CÁO, TRIỂN LÃM VÀ GALLERY

3.1. Quản lý hoạt động quảng cáo

3.1.1. Một số khái niệm và phân loại hoạt động quảng cáo

*** Một số khái niệm**

- Khái niệm quảng cáo

Vấn đề quảng cáo được từng nước, từng tổ chức, từng doanh nghiệp nhìn nhận theo mục tiêu mà mình hướng tới.

Theo từ điển Oxfod của Mỹ : “Quảng cáo là một công việc có liên hệ đến việc quảng cáo hàng hoá, đặc biệt là số lượng hàng hóa bán.

Người Nhật quan niệm : “Quảng cáo là một hoạt động mà khách hàng truyền thông tin về sản phẩm và dịch vụ của họ tới những người nhất định hoặc không xác định để đạt được mục đích trên quảng cáo.

Quảng cáo là sự tuyên truyền, giới thiệu về hàng hoá dịch vụ, nhằm thu hút sự chú ý của những người, có thể là người mua gây sự thích thú đối với hàng hoá và dịch vụ, cuối cùng làm cho họ trở thành khách hàng thực tế của tổ chức kinh doanh hàng hoá và dịch vụ đó”

<” Nghiệp vụ kinh tế ngoại thương” _ NXB Ngoại thương 1996>

Trong từ điển Tiếng Việt do NXB khoa học xã hội -1988 có nêu : Quảng cáo là trình bày, giới thiệu rộng rãi cho nhiều người biết, nhằm tranh thủ được nhiều khách hàng.

Nghị định 194/CP của chính phủ về hoạt động quảng cáo trên lãnh thổ Việt nam : “Hoạt động quảng cáo bao gồm việc giới thiệu và thông báo rộng rãi về doanh nghiệp, hàng hoá, dịch vụ, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi theo nhu cầu hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ”.

Pháp lệnh quảng cáo được uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá X thông qua 16/11/2001 có hiệu lực từ ngày 1/5/2002 cũng chỉ rõ :”Quảng cáo là giới thiệu đến người tiêu dùng về hoạt động kinh doanh hàng hoá , dịch vụ, bao gồm dịch vụ có mục đích sinh lời và cả mục đích không sinh lời.

Từ những nhận định trên ta có thể khái quát lại Quảng cáo là cách mà chủ thể giới thiệu nội dung quảng cáo đến mọi người bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đạt mục đích nhất định nào đó.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm về Quảng cáo như sau : Quảng cáo là việc sử dụng các phương tiện nhằm giới thiệu đến công chúng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có mục đích sinh lợi; sản phẩm, dịch vụ không có mục đích sinh lợi; tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được giới thiệu, trừ tin thời sự; chính sách xã hội; thông tin cá nhân.

Dịch vụ có mục đích sinh lợi là dịch vụ nhằm tạo ra lợi nhuận cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ; dịch vụ không có mục đích sinh lợi là dịch vụ vì lợi ích của xã hội không nhằm tạo ra lợi nhuận cho tổ chức, cá nhân cung ứng dịch vụ.

Sản phẩm quảng cáo bao gồm nội dung và hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự.

Xúc tiến quảng cáo là hoạt động tìm kiếm, thúc đẩy cơ hội ký kết hợp đồng dịch vụ quảng cáo.

Người quảng cáo là tổ chức, cá nhân có yêu cầu quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình hoặc bản thân tổ chức, cá nhân đó.

Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo là tổ chức, cá nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình quảng cáo theo hợp đồng cung ứng dịch vụ quảng cáo với người quảng cáo.

Người phát hành quảng cáo là tổ chức, cá nhân dùng phương tiện quảng cáo thuộc trách nhiệm quản lý của mình giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng, bao gồm cơ quan báo chí, nhà xuất bản, chủ trang thông tin điện tử, người tổ chức chương trình văn hóa, thể thao và tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện quảng cáo khác.

Người chuyển tải sản phẩm quảng cáo là người trực tiếp đưa các sản phẩm quảng cáo đến công chúng hoặc thể hiện sản phẩm quảng cáo trên người thông qua hình thức mặc, treo, gắn, dán, vẽ hoặc các hình thức tương tự.

Người tiếp nhận quảng cáo là người tiếp nhận thông tin từ sản phẩm quảng cáo thông qua phương tiện quảng cáo.

Thời lượng quảng cáo là thời gian phát sóng các sản phẩm quảng cáo trong một kênh, chương trình phát thanh, truyền hình; thời gian quảng cáo trong tổng thời gian của một chương trình văn hoá, thể thao; thời gian quảng cáo trong một bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác.

Diện tích quảng cáo là phần thể hiện các sản phẩm quảng cáo trên mặt báo in, báo hình, báo điện tử, trang thông tin điện tử, xuất bản phẩm, bảng quảng cáo, phương tiện giao thông hoặc trên các phương tiện quảng cáo tương tự.

Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt là sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người và môi trường.

Màn hình chuyên quảng cáo là phương tiện quảng cáo sử dụng công nghệ điện tử để truyền tải các sản phẩm quảng cáo, bao gồm màn hình LED, LCD và các hình thức tương tự.

*** Phân loại các hoạt động quảng cáo**

Các hoạt động quảng cáo bao gồm những loại hình sau :

- Quảng cáo trên Báo chí.

- Quảng cáo trên trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác.
- Quảng cáo trên các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác.
- Quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo.
- Quảng cáo trên các phương tiện giao thông.
- Quảng cáo trong hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao.
- Quảng cáo trên người chuyển tải sản phẩm quảng cáo; vật thể quảng cáo.
- Quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Vai trò của quảng cáo với hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội

* Quảng cáo là hoạt động tất yếu trong nền kinh tế thị trường.

Trở lại thời kỳ bao cấp, thời mà nhà nước đứng ra quản lý về mọi mặt của đời sống xã hội, từ khâu sản xuất đến phân phối sản phẩm. Thành phẩm làm ra được phân chia đến từng hộ gia đình theo bình quân nhân khẩu, mọi thành viên trong xã hội đều được hưởng như nhau, không có sự lựa chọn riêng cho mỗi cá nhân. Các xưởng sản xuất hoàn toàn của nhà nước nên mẫu mã và chất lượng chỉ có một. Lẽ tất nhiên quảng cáo trở thành “vô duyên” và thừa. Vòng quay cứ đều đặn tiếp diễn cho đến 1986, chính sách “đổi mới”, “mở cửa” của nhà nước được thực thi và đạt những kết quả ban đầu, đưa nước ta sang những trang sử mới. Viết vào đó sự ra đời của nền kinh tế thị trường, phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, chủ trương khuyến khích kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài đã khơi dậy những tiềm năng to lớn của đất nước. Hàng loạt các công ty, doanh nghiệp tư nhân được thành lập, bên cạnh những công ty doanh nghiệp nhà nước. Vấn đề đặt ra là: Làm thế nào để tồn tại và phát triển? Mỗi thành phần kinh tế đều nhận thấy rằng, mục đích cuối cùng không phải là sản xuất ra nhiều sản phẩm mà phải đưa chúng đến làm quen với người tiêu dùng và càng khó hơn để thuyết phục họ lựa chọn sản phẩm của mình. Quảng cáo ra đời đã giải quyết tất cả những vướng mắc trên.

Nhờ quảng cáo, các nhà sản xuất đã đưa được những thông tin và hình ảnh của sản phẩm đến với đông đảo người tiêu dùng. Ngược lại, người tiêu

dùng cũng khám phá ra, cùng một sản phẩm nhưng có rất nhiều mẫu mã, chất lượng, giá cả khác nhau, họ có thể lựa chọn được sản phẩm vừa thoả mãn thị hiếu, vừa hợp với túi tiền. Các doanh nghiệp được khách hàng ưu ái sẽ thu được lãi, họ bắt đầu mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới trang thiết bị nhằm tạo nhiều mặt hàng tốt hơn. Quảng cáo vô tình đã trở thành công cụ để kiếm lời, giúp sản xuất với quy mô ngày càng lớn, đổi mới trang thiết bị, công nghệ hiện đại, tiến tới hạ giá thành sản phẩm, thu hút đông đảo khách hàng, cuối cùng nổi danh trên thị trường. Còn các doanh nghiệp khác chưa được nhiều người chú ý cũng không chịu bó tay, họ không ngừng nghiên cứu, thiết kế tạo cho sản phẩm của mình những kiểu dáng và chất liệu độc đáo để giới thiệu đến người mua bằng cách quảng cáo trên mọi phương diện. Họ bắt đầu được đề ý và dần khẳng định mình. Theo quy luật của thương trường chắc chắn không tránh khỏi sự cạnh tranh. Song, chính sự ganh đua làm lên tốc độ phát triển không ngừng của đất nước trong thời đại mới.

Hiện nay, quảng cáo đã trở thành ngành công nghiệp khổng lồ. Ở Việt Nam, chi phí tính riêng trong năm 2006, doanh thu từ quảng cáo ước tính đạt 5000 tỷ đồng. Người ta nói rằng bộ mặt quảng cáo đã thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Các cơ quan quản lý nhận xét rằng luật doanh nghiệp ra đời tạo ra luồng sinh khí mới đối với hoạt động kinh tế- xã hội, trong đó có hoạt động quảng cáo. Trong thời điểm này, quảng cáo được xác định là một nền kinh tế “ăn lên làm ra”, ở nước ta có hơn 3000 doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này, chưa kể việc “làm thêm” như của 80 đài phát thanh truyền hình, 500 cơ quan, nhà xuất bản...

Trong 3 năm rưỡi, từ đầu năm 2002 đến giữa năm nay, chỉ tính riêng địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh, cơ quan quản lý đã cấp hơn 2000 giấy phép quảng cáo nhất thời, hơn 5300 giấy phép quảng cáo dài hạn (trong đó có gần 900 giấy phép quảng cáo tạm lớn từ 40m² (mét vuông) trở lên).

Số liệu trên chẳng thấm vào đâu so với thế giới, nhưng nó chứng tỏ rằng tại Việt Nam, nơi mà quảng cáo đã có mặt từ đầu thế kỷ trước nhưng phải hơn nửa thế kỷ sau mới có nhưng bước đi bài bản đầu tiên, ngành công nghiệp “luôn luôn sinh lời” đã có những bước phát triển đáng kể trong 15 năm qua.

* Quảng cáo giúp tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Đối với các nhà hoạt động sản xuất kinh doanh thì sản xuất không còn là vấn đề được quan tâm hàng đầu, mục tiêu của họ là doanh thu và thương hiệu, để làm được điều đó thì sản phẩm làm ra cần có thị trường tiêu thụ. Song, việc

tìm kiếm thị trường không phải đơn giản. Nhưng khi sản phẩm được quảng bá rộng rãi thì nó trở lên dễ dàng. Khi mà chi thức nhân loại càng được nâng cao, mỗi ngày con người đều bổ sung vào ngân hàng kiến thức của mình những điều mới mẻ. Do đó, một sản phẩm đến với họ bằng nhiều hình thức khác nhau, nếu mẫu mã kèm quảng cáo bắt mắt, thậm chí nhiều hãng còn tổ chức những chương trình khuyến mại, dùng thử sản phẩm. Lúc đó, người tiêu dùng đủ thông minh để đánh giá chất lượng hàng hoá, tự quyết định có nên chọn sản phẩm hay không. Như vậy sản phẩm đẹp về hình thức, tốt về nội dung không phải lo đến thị trường tiêu thụ.

Ngoài ra, việc không ngừng đổi mới chiến lược kinh doanh cùng những chương trình quảng cáo cũng giúp ích đắc lực cho việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Chẳng hạn, sản phẩm nước ngọt trước kia nổi tiếng bởi hãng CocaCola, 1920 hãng củng cố vị trí độc tôn trên thị trường. Song, sự xuất hiện của Pessicoca đã hạ cocacôla xuống một bậc. Giai đoạn 1930-1950, hãng đưa ra chiến thuật "cùng một giá nhưng hưởng thụ gấp đôi" và tung ra quảng cáo trên tất cả các phương tiện thông tin, đến năm 1960 sản lượng tiêu thụ CocaCola giảm 30%, Pessi coca tăng 20%.

Cũng thuộc lĩnh vực nước giải khát, bia Tiger là hãng đầu tiên dành chi phí đầu tư rất lớn cho quảng cáo là 120.000USD để thực hiện một quảng cáo vào năm 2000 với hình thức mới đưa kinh khí cầu với hình dáng một chai bia khổng lồ, cao 50m thay cho lời chúc mừng năm mới tại trung tâm triển lãm Việt Nam, được người xem hưởng ứng nhiệt liệt.

Có thể nói, quảng cáo sẽ làm tăng sản phẩm xã hội. Một khi quy mô sản xuất tăng sẽ cần đến nhân công, quảng cáo đóng góp vào giải quyết một phần việc làm cho xã hội. Quảng cáo luôn đòi hỏi, thúc đẩy các doanh nghiệp phải nghiên cứu thị trường, người cần quảng cáo, người làm quảng cáo biết được mục tiêu cần tác động, các nội dung cần nhấn mạnh, phạm vi quảng cáo, biết được cần quảng cáo như thế nào vừa hiệu quả vừa tiết kiệm chi phí.

** Quảng cáo khuyến khích người tiêu dùng, tiêu dùng sản phẩm hàng hoá.*

Thế giới ngày càng hiện đại hoá, cuộc sống con người không ngừng được nâng cao. Từ ước mơ "ăn no, mặc ấm" đến "ăn ngon, mặc đẹp", con người luôn tìm tòi, nghiên cứu để ước mơ không chỉ là ước mơ. Quảng cáo giúp con người thấy được từng bước phát triển của nhân loại và có được những sản phẩm tiên tiến, hiện đại nhất. Trong đời sống vật chất, người tiêu dùng liên

tục tiếp cận với những sản phẩm mang lại nguồn dinh dưỡng tối ưu, đảm bảo sức khoẻ con người. Đời sống tinh thần cũng thường xuyên được bồi đắp bằng những chương trình giải trí trên báo, đài truyền hình, rạp chiếu phim, các chương trình biểu diễn nghệ thuật. Công nghệ kỹ thuật số khiến tầm hiểu biết về khoa học kỹ thuật cũng như những nét văn hoá không chỉ bó hẹp ở quốc gia mình mà vươn tầm nhìn ra toàn vũ trụ. Để làm được điều này quảng cáo có công rất lớn. Nhờ quảng cáo thông tin sản phẩm đến với người tiêu dùng dễ dàng hơn. Họ biết sản phẩm nào hợp với thành phần dinh dưỡng và kinh tế của gia đình, bản thân mình, đặc biệt quảng cáo luôn là người bạn đồng hành cho nữ giới trong việc làm đẹp. Quảng cáo trang hoàng cho mỗi ngôi

những nội thất phù hợp nhất. Hơn nữa là sự tiến tới tự động hoá bằng những máy móc hiện đại, giảm bớt sức lao động, tiết kiệm thời gian dành cho việc cần thiết.

**Quảng cáo quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.*

Điều kiện tiên quyết quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp là người tiêu dùng thông qua khâu trung gian quảng cáo. Hầu như các doanh nghiệp dành doanh thu từ 10-15% đầu tư cho quảng cáo để nó làm nhiệm vụ "làm đẹp" cho thương hiệu, cho các công ty quảng cáo và cho cả đất nước.

Quảng cáo nhằm truyền tải thông tin về sản phẩm đến khách hàng. Để thu hút khách, hình thức thông tin được các doanh nghiệp và các nhà quảng cáo đặc biệt chú ý. Những tấm tấm biển sặc sỡ, những chuỗi hình ảnh kèm âm thanh thật ấn tượng đã mang lại lợi nhuận từ nhiều phía. Để người tiêu dùng biết đến sự tồn tại của mình, từ đó người tiêu dùng giúp cho doanh nghiệp phát triển. Các doanh nghiệp không ngần ngại đưa sản phẩm đến tất cả những nơi có thể quảng cáo, đặc biệt những địa chỉ gây được sự chú ý đông đảo của người dân. Truyền hình là một phương tiện truyền thông tiên tiến mà các nhà quảng cáo đặt niềm tin. Quảng cáo trên truyền hình giúp sản phẩm cùng tên tuổi của cá hãng thâm nhập vào từng vùng thị trường khác nhau, từng khách hàng khác nhau do khả năng phối hợp hình ảnh, âm thanh màu sắc, cho phép người làm quảng cáo xây dựng những quảng cáo sáng tạo, sống động hơn bất cứ loại hình nào. Nó chiếm tỉ trọng 45-50% quảng cáo Việt Nam, lượng người xem chiếm gần như 100%, truyền hình cùng các phương tiện truyền tin khác, đặc biệt là Internet đã đóng góp vào việc xây dựng và khẳng định thương hiệu của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

** Quảng cáo thực hiện nhiệm vụ chính trị, giáo dục, tạo nét văn hoá cộng đồng.*

Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật giúp cho các tổ chức chính trị, những người đứng đầu các cơ quan bộ máy nhà nước có thể truyền đạt những thông tin chính trị, giáo dục đến mọi công dân mà không phải tốn nhiều sức lực. Mọi sự kiện chính trị, các khẩu hiệu giáo dục được người dân cập nhật và hưởng ứng thường xuyên nhờ sự xuất hiện của chúng trên truyền hình, truyền thanh, báo chí, mạng Internet, panô, áp phích...

Sự xuất hiện rộng rãi của quảng cáo trong đời sống xã hội đã tạo ra nét văn hoá riêng của người sản xuất kinh doanh, người làm quảng cáo và người tiêu dùng. Tất cả hợp lại thành một trong những nét văn hoá của một cộng đồng. Mọi chương trình và hình thức tuyên truyền, quảng cáo nếu tuân thủ những quy định của nhà nước sẽ là những nét đẹp văn hoá riêng trong thẩm mỹ, phân phối, tiêu dùng sản phẩm của người Việt Nam.

3.1.3. Quản lí nhà nước về hoạt động quảng cáo

Trong nhiều năm qua Đảng và nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách, tổ chức nhiều cuộc hội thảo nhằm đưa quảng cáo đi đúng hướng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Nhận thấy sự phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ của quảng cáo cũng như tầm quan trọng của nó đối với nền kinh tế thị trường, nhà nước ta không ngừng đưa ra những biện pháp nhằm đưa quảng cáo phát triển thành một ngành công nghiệp. Đồng thời quy hoạch, hướng dẫn quảng cáo để vừa mang lại lợi nhuận vừa mang lại nét đẹp văn hoá riêng, phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của người dân Việt Nam. Có thể kể đến: Luật doanh nghiệp có hiệu lực đầu năm 2006, Pháp lệnh quảng cáo số 39/2001/PL-UBTVQH, nghị định 24/2003/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành pháp lệnh quảng cáo, thông tư số 79/2005/TT-BVHTT, nghị định 56/2006 của Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao & Du lịch .

*** Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động quảng cáo**

1. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động quảng cáo.

2. Tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình quảng cáo, nâng cao chất lượng quảng cáo.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào việc thiết kế, xây dựng sản phẩm quảng cáo, đầu tư có hiệu quả vào quảng cáo.

4. Tạo điều kiện và khuyến khích phát triển nguồn nhân lực cho hoạt động quảng cáo; ưu tiên đầu tư đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công chức thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo.

5. Mở rộng hợp tác quốc tế về hoạt động quảng cáo.

*** Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động quảng cáo.

2. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động quảng cáo.

3. Phổ biến, giáo dục pháp luật về hoạt động quảng cáo.

4. Chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động quảng cáo.

5. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho hoạt động quảng cáo.

6. Tổ chức thực hiện công tác khen thưởng trong hoạt động quảng cáo.

7. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quảng cáo.

8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động quảng cáo.

*** Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo.

2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo.

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền.

*** Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động quảng cáo**

Quyền và nghĩa vụ của người quảng cáo

1. Người quảng cáo có các quyền sau:

a) Quảng cáo về tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình;

b) Quyết định hình thức và phương thức quảng cáo;

c) Được cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương thông tin về quy hoạch quảng cáo ngoài trời đã phê duyệt;

d) Yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo.

2. Người quảng cáo có các nghĩa vụ sau:

a) Cung cấp cho người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc người phát hành quảng cáo thông tin cần thiết, trung thực, chính xác về cơ quan, tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, các tài liệu liên quan đến điều kiện quảng cáo và chịu trách nhiệm về các thông tin đó;

b) Bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phù hợp với nội dung quảng cáo;

c) Chịu trách nhiệm về sản phẩm quảng cáo của mình trong trường hợp trực tiếp thực hiện quảng cáo trên các phương tiện; liên đới chịu trách nhiệm về sản phẩm quảng cáo trong trường hợp thuê người khác thực hiện;

d) Cung cấp tài liệu liên quan đến sản phẩm quảng cáo khi người tiếp nhận quảng cáo hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo

1. Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo có các quyền sau:

a) Quyết định hình thức và phương thức kinh doanh dịch vụ quảng cáo;

b) Được người quảng cáo cung cấp thông tin trung thực, chính xác về tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được quảng cáo và các tài liệu liên quan đến điều kiện quảng cáo;

c) Tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng quy hoạch quảng cáo của địa phương và được cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương thông tin về quy hoạch quảng cáo ngoài trời;

d) Yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo.

2. Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo có các nghĩa vụ sau:

a) Hoạt động theo đúng phạm vi, lĩnh vực đã được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo;

b) Kiểm tra các tài liệu liên quan đến điều kiện quảng cáo của tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cần quảng cáo và thực hiện thủ tục có liên quan theo hợp đồng dịch vụ quảng cáo;

c) Chịu trách nhiệm về sản phẩm quảng cáo do mình trực tiếp thực hiện;

d) Cung cấp tài liệu liên quan đến sản phẩm quảng cáo khi người tiếp nhận quảng cáo hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của người phát hành quảng cáo

1. Được quảng cáo trên phương tiện của mình và thu phí dịch vụ theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra các tài liệu liên quan đến điều kiện quảng cáo của tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cần quảng cáo.

3. Cung cấp tài liệu liên quan đến sản phẩm quảng cáo khi người tiếp nhận quảng cáo hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

4. Thực hiện hợp đồng phát hành quảng cáo đã ký kết và chịu trách nhiệm trực tiếp về sản phẩm quảng cáo thực hiện trên phương tiện quảng cáo thuộc trách nhiệm quản lý của mình.

5. Yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo.

6. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của người cho thuê địa điểm, phương tiện quảng cáo

1. Lựa chọn người quảng cáo, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo.

2. Chịu trách nhiệm về căn cứ pháp lý của việc cho thuê địa điểm quảng cáo, phương tiện quảng cáo và an toàn của phương tiện quảng cáo; thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hợp đồng cho thuê địa điểm, phương tiện quảng cáo đã ký kết.

3. Liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp lắp, dựng công trình quảng cáo không đúng với giấy phép xây dựng hoặc chưa được cấp giấy phép xây dựng.

4. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của người tiếp nhận quảng cáo

1. Được thông tin trung thực về chất lượng, tính năng, tác dụng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

2. Được từ chối tiếp nhận quảng cáo.

3. Được yêu cầu người quảng cáo hoặc người phát hành quảng cáo bồi thường thiệt hại khi sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng, số lượng, tính năng, công dụng, giá cả hoặc nội dung khác mà tổ chức, cá nhân đã quảng cáo.

4. Được tố cáo, khởi kiện dân sự theo quy định của pháp luật.

5. Khi tố cáo hoặc yêu cầu bồi thường thiệt hại, phải cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ về hành vi vi phạm pháp luật về quảng cáo với cơ quan quản lý nhà nước và chứng cứ chứng minh thiệt hại mà quảng cáo gây ra; được quyền yêu cầu người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo hoặc người quảng cáo cung cấp tài liệu liên quan đến sản phẩm quảng cáo.

*** Nội dung quảng cáo và các điều kiện quảng cáo**

Yêu cầu đối với nội dung quảng cáo

1. Nội dung quảng cáo phải bảo đảm trung thực, chính xác, rõ ràng, không gây thiệt hại cho người sản xuất, kinh doanh và người tiếp nhận quảng cáo.

2. Chính phủ quy định về yêu cầu đối với nội dung quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt.

Điều 20. Điều kiện quảng cáo

1. Quảng cáo về hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Quảng cáo cho các loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phải có các tài liệu chứng minh về sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

3. Quảng cáo tài sản mà pháp luật quy định tài sản đó phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng thì phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản.

4. Quảng cáo cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Quảng cáo thuốc được phép quảng cáo theo quy định của pháp luật về y tế; phải có giấy phép lưu hành tại Việt Nam đang còn hiệu lực và tờ hướng dẫn sử dụng do Bộ Y tế phê duyệt;

b) Quảng cáo mỹ phẩm phải có phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm theo quy định của pháp luật về y tế;

c) Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phải có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành do Bộ Y tế cấp;

d) Quảng cáo sữa và sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ không thuộc quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật này phải có giấy chứng nhận tiêu chuẩn, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm dinh dưỡng sản xuất trong nước; đối với sản phẩm dinh dưỡng nhập khẩu thì phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất và giấy phép lưu hành;

đ) Quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm phải có giấy chứng nhận đăng ký chất lượng vệ sinh an toàn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc danh mục phải đăng ký chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc giấy tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc danh mục phải công bố tiêu chuẩn;

e) Quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh phải có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn hành nghề do ngành y tế cấp theo quy định của pháp luật;

g) Quảng cáo trang thiết bị y tế phải có giấy phép lưu hành đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước hoặc giấy phép nhập khẩu đối với thiết bị y tế nhập khẩu;

h) Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật phải có giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật. Quảng cáo sinh vật có ích dùng trong bảo vệ thực vật phải có giấy phép kiểm dịch thực vật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp;

i) Quảng cáo thuốc thú y, vật tư thú y phải có giấy phép lưu hành sản phẩm và bản tóm tắt đặc tính của sản phẩm;

k) Quảng cáo phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc văn bản tự công bố chất lượng sản phẩm.

5. Chính phủ quy định điều kiện quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt khác khi có phát sinh trên thực tế.

3.2.6. Những quy định chung về hoạt động quảng cáo

Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo

1. Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo là tổ chức tư vấn trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, giúp Bộ trưởng xem xét và đưa ra kết luận

về sự phù hợp của sản phẩm quảng cáo với quy định của pháp luật trong trường hợp tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo.

2. Thành phần của Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo bao gồm đại diện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đại diện của tổ chức nghề nghiệp về quảng cáo và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định sản phẩm quảng cáo.

Những Hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo

1. Quảng cáo làm tiết lộ bí mật nhà nước, phương hại đến độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh, quốc phòng.

3. Quảng cáo thiếu thẩm mỹ, trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

4. Quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, trật tự an toàn giao thông, an toàn xã hội.

5. Quảng cáo gây ảnh hưởng xấu đến sự tôn nghiêm đối với Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Đảng kỳ, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, lãnh tụ, lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

6. Quảng cáo có tính chất kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, định kiến về giới, về người khuyết tật.

7. Quảng cáo xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của tổ chức, cá nhân.

8. Quảng cáo có sử dụng hình ảnh, lời nói, chữ viết của cá nhân khi chưa được cá nhân đó đồng ý, trừ trường hợp được pháp luật cho phép.

9. Quảng cáo không đúng hoặc gây nhầm lẫn về khả năng kinh doanh, khả năng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; về số lượng, chất lượng, giá, công dụng, kiểu dáng, bao bì, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại, phương thức phục vụ, thời hạn bảo hành của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký hoặc đã được công bố.

10. Quảng cáo bằng việc sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp về giá cả, chất lượng, hiệu quả sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình với giá cả, chất lượng, hiệu quả sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cùng loại của tổ chức, cá nhân khác.

11. Quảng cáo có sử dụng các từ ngữ “nhất”, “duy nhất”, “tốt nhất”, “số một” hoặc từ ngữ có ý nghĩa tương tự mà không có tài liệu hợp pháp chứng minh theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

12. Quảng cáo có nội dung cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

13. Quảng cáo vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.

14. Quảng cáo tạo cho trẻ em có suy nghĩ, lời nói, hành động trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục; gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn hoặc sự phát triển bình thường của trẻ em.

15. Ép buộc cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo hoặc tiếp nhận quảng cáo trái ý muốn.

16. Treo, đặt, dán, vẽ các sản phẩm quảng cáo trên cột điện, trụ điện, cột tín hiệu giao thông và cây xanh nơi công cộng.

3.1.4. Quản lý theo các phương tiện quảng cáo cụ thể

***Quảng cáo trên báo chí và các thiết bị điện tử, viễn thông**

Quảng cáo trên báo in

1. Diện tích quảng cáo không được vượt quá 15% tổng diện tích một ấn phẩm báo hoặc 20% tổng diện tích một ấn phẩm tạp chí, trừ báo, tạp chí chuyên quảng cáo; phải có dấu hiệu phân biệt quảng cáo với các nội dung khác.

2. Cơ quan báo chí được phép ra phụ trương quảng cáo và phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trước ít nhất 30 ngày tính đến ngày phát hành đầu tiên của phụ trương quảng cáo.

3. Phụ trương quảng cáo của báo phải đánh số riêng; có cùng khuôn khổ, phát hành kèm theo số trang báo chính.

4. Trên trang một của phụ trương quảng cáo phải ghi rõ các thông tin sau:

a) Tên tờ báo;

b) Tên, địa chỉ của cơ quan báo chí;

c) Dòng chữ “Phụ trương quảng cáo không tính vào giá bán”.

5. Không được quảng cáo trên bìa một của tạp chí, trang nhất của báo.

Quảng cáo trên báo nói, báo hình

1. Thời lượng quảng cáo trên báo nói, báo hình không được vượt quá

10% tổng thời lượng chương trình phát sóng một ngày của một tổ chức phát sóng, trừ thời lượng quảng cáo trên kênh, chương trình chuyên quảng cáo; phải có dấu hiệu phân biệt nội dung quảng cáo với các nội dung khác.

2. Thời lượng quảng cáo trên kênh truyền hình trả tiền không vượt quá 5% tổng thời lượng chương trình phát sóng một ngày của một tổ chức phát sóng, trừ kênh, chương trình chuyên quảng cáo.

3. Không được phát sóng quảng cáo trong các chương trình sau:

a) Chương trình thời sự;

b) Chương trình phát thanh, truyền hình trực tiếp về các sự kiện chính trị đặc biệt, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc.

4. Mỗi chương trình phim truyện không được ngắt để quảng cáo quá hai lần, mỗi lần không quá 05 phút. Mỗi chương trình vui chơi giải trí không được ngắt để quảng cáo quá bốn lần, mỗi lần không quá 05 phút.

5. Khi thể hiện sản phẩm quảng cáo kèm theo nội dung thông tin chính bằng hình thức chạy chữ hoặc một chuỗi hình ảnh chuyển động thì sản phẩm quảng cáo phải được thể hiện sát phía dưới màn hình, không quá 10% chiều cao màn hình và không được làm ảnh hưởng tới nội dung chính trong chương trình. Quảng cáo bằng hình thức này không tính vào thời lượng quảng cáo của báo hình.

6. Cơ quan báo nói, báo hình có nhu cầu ra kênh, chương trình chuyên quảng cáo phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước về báo chí. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép ra kênh, chương trình chuyên quảng cáo gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép ra kênh, chương trình chuyên quảng cáo;

b) Ý kiến của cơ quan chủ quản;

c) Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động báo chí.

7. Trong trường hợp cơ quan báo chí có nhu cầu thay đổi nội dung giấy phép ra kênh, chương trình chuyên quảng cáo phải gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép đến cơ quan quản lý nhà nước về báo chí. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép;

b) Bản sao có chứng thực giấy phép đang có hiệu lực.

8. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí xem xét cấp giấy phép ra kênh, chương trình

chuyên quảng cáo cho cơ quan báo chí; trường hợp không cấp giấy phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí xem xét, cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung cho cơ quan báo chí; trường hợp không cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày cấp giấy phép ra kênh, chương trình chuyên quảng cáo hoặc cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung; cơ quan cấp giấy phép phải gửi bản sao giấy phép đã cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về quảng cáo và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi cơ quan báo chí đặt trụ sở chính để phối hợp trong công tác quản lý.

Quảng cáo trên báo điện tử và trang thông tin điện tử

1. Quảng cáo trên báo điện tử phải tuân theo các quy định sau:

a) Không được thiết kế, bố trí phần quảng cáo lẫn vào phần nội dung tin;
b) Đối với những quảng cáo không ở vùng cố định, phải thiết kế để độc giả có thể chủ động tắt hoặc mở quảng cáo, thời gian chờ tắt hoặc mở quảng cáo tối đa là 1,5 giây.

2. Quảng cáo trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Quảng cáo trên trang thông tin điện tử của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới có phát sinh doanh thu quảng cáo tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều này.

Quảng cáo trên phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác

1. Quảng cáo bằng hình thức gửi tin nhắn, thư điện tử quảng cáo:

a) Tổ chức, cá nhân chỉ được phép gửi tin nhắn và thư điện tử quảng cáo khi có sự đồng ý trước của người nhận;

b) Nhà cung cấp dịch vụ thông tin điện tử, viễn thông chỉ được phép gửi tin nhắn, thư điện tử có nội dung quảng cáo về các dịch vụ của mình; chỉ được gửi tin nhắn quảng cáo đến điện thoại trong khoảng thời gian từ 07 giờ đến 22 giờ; không được gửi quá ba tin nhắn quảng cáo đến một số điện thoại, quá ba

thư điện tử đến một địa chỉ thư điện tử trong vòng 24 giờ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với người nhận;

c) Tổ chức, cá nhân quảng cáo phải bảo đảm cho người nhận có khả năng từ chối quảng cáo; phải chấm dứt ngay việc gửi tin nhắn, thư điện tử quảng cáo nếu người nhận thông báo từ chối quảng cáo và không được thu phí dịch vụ đối với thông báo từ chối của người nhận.

2. Quảng cáo bằng các hình thức khác trên phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác phải tuân theo các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

*** Quảng cáo trên các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình**

Quảng cáo trên các sản phẩm in

1. Đối với các loại sách và tài liệu dưới dạng sách, chỉ được quảng cáo về tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản trên bìa hai, ba và bốn, trừ sách chuyên về quảng cáo.

2. Đối với tài liệu không kinh doanh, chỉ được quảng cáo về tác giả, tác phẩm, nhà xuất bản hoặc biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và hoạt động của tổ chức, cá nhân được phép xuất bản tài liệu đó.

3. Đối với tranh, ảnh, áp-phích, ca-ta-lô, tờ rời, tờ gấp có nội dung cổ động, tuyên truyền về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật, được quảng cáo không quá 20% diện tích từng sản phẩm.

Biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo phải đặt ở phía dưới cùng của sản phẩm in.

4. Không được quảng cáo trên các sản phẩm in là tiền hoặc giấy tờ có giá, văn bằng chứng chỉ và văn bản quản lý nhà nước.

5. Quảng cáo trên tranh, ảnh, áp-phích, ca-ta-lô, tờ rời, tờ gấp và các sản phẩm in không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này phải ghi rõ tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc người quảng cáo, số lượng in, nơi in.

Quảng cáo trong bản ghi âm, ghi hình

Thời lượng quảng cáo trong bản ghi âm, ghi hình chương trình văn hoá, nghệ thuật, điện ảnh, bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách không được vượt quá 5% tổng thời lượng nội dung chương trình.

*** Quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng - rôn, và các phương tiện giao thông**

Quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn

1. Việc đặt bảng quảng cáo, băng-rôn phải tuân thủ quy định về khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa; hành lang an toàn giao thông, đề điều, lưới điện quốc gia; không được che khuất đèn tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng; không được chằng ngang qua đường giao thông và phải tuân thủ quy hoạch quảng cáo của địa phương và quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Các sản phẩm quảng cáo thể hiện trên bảng quảng cáo, băng-rôn phải ghi rõ tên, địa chỉ của người thực hiện.

3. Quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn có nội dung tuyên truyền, cổ động chính trị, chính sách xã hội phải tuân theo những quy định sau:

a) Biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo phải đặt ở phía dưới cùng đối với bảng quảng cáo, băng-rôn dọc và phía bên phải đối với băng-rôn ngang;

b) Diện tích thể hiện của biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa của người quảng cáo không quá 20% diện tích bảng quảng cáo, băng-rôn.

4. Thời hạn treo băng-rôn không quá 15 ngày.

Quảng cáo trên màn hình chuyên quảng cáo

1. Việc đặt màn hình chuyên quảng cáo phải tuân theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy hoạch quảng cáo ngoài trời của địa phương.

2. Khi thực hiện quảng cáo trên màn hình chuyên quảng cáo đặt ngoài trời không được dùng âm thanh.

3. Quảng cáo trên màn hình không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng âm thanh theo quy định của pháp luật về môi trường.

Hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn

1. Văn bản thông báo sản phẩm quảng cáo ghi rõ nội dung, thời gian, địa điểm quảng cáo, số lượng bảng quảng cáo, băng-rôn.

2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo.

3. Bản sao giấy tờ chứng minh sự hợp chuẩn, hợp quy của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để quảng cáo theo quy định tại Điều 20 của Luật này.

4. Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức trong trường hợp quảng cáo cho sự kiện, chính sách xã hội.

5. Ma-két sản phẩm quảng cáo in màu có chữ ký của người kinh doanh dịch vụ quảng cáo hoặc chữ ký của người quảng cáo trong trường hợp tự thực hiện quảng cáo. Trong trường hợp người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người quảng cáo là tổ chức thì phải có dấu của tổ chức.

6. Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng bảng quảng cáo; quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng địa điểm quảng cáo đối với băng-rôn.

7. Bản phối cảnh vị trí đặt bảng quảng cáo.

8. Bản sao giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại bảng quảng cáo phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật này.

Trình tự thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn phải gửi hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo đến cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương trước khi thực hiện quảng cáo 15 ngày.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương xác nhận về việc nhận hồ sơ, nếu không có ý kiến trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện sản phẩm quảng cáo đã thông báo. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo

1. Việc xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời, biển hiệu, bảng quảng cáo độc lập hoặc gắn vào công trình xây dựng có trước phải tuân theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy hoạch quảng cáo ngoài trời của địa phương.

2. Việc xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời, biển hiệu, bảng quảng cáo độc lập hoặc gắn vào công trình xây dựng có sẵn phải xin giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương trong những trường hợp sau đây:

a) Xây dựng màn hình chuyên quảng cáo ngoài trời có diện tích một mặt từ 20 mét vuông (m²) trở lên;

b) Xây dựng biển hiệu, bảng quảng cáo có diện tích một mặt trên 20 mét vuông (m²) kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn;

c) Bảng quảng cáo đứng độc lập có diện tích một mặt từ 40 mét vuông (m²) trở lên.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo;

c) Bản sao có chứng thực một trong những loại giấy tờ sau: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; văn bản thoả thuận hoặc hợp đồng thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với công trình quảng cáo đứng độc lập; hợp đồng thuê địa điểm giữa chủ đầu tư xây dựng công trình quảng cáo với chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng hợp pháp đối với công trình quảng cáo gắn với công trình xây dựng có sẵn hoặc văn bản thông báo kết quả trúng thầu đối với trường hợp địa điểm quảng cáo trong quy hoạch phải tổ chức đấu thầu;

d) Trường hợp công trình quảng cáo gắn với công trình đã có trước phải có văn bản thoả thuận hoặc hợp đồng của chủ đầu tư xây dựng công trình quảng cáo với chủ sở hữu hoặc người được giao quyền quản lý công trình đã có trước;

đ) Bản vẽ thiết kế của tổ chức thiết kế hợp pháp thể hiện được vị trí mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng điển hình; mặt bằng móng của công trình có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư xây dựng công trình quảng cáo. Trường hợp công trình quảng cáo gắn vào công trình đã có trước thì bản vẽ thiết kế phải thể hiện được giải pháp liên kết công trình quảng cáo vào công trình đã có trước.

4. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương;

b) Trường hợp địa điểm quảng cáo nằm trong quy hoạch quảng cáo đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp địa phương chưa phê duyệt quy hoạch quảng cáo, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương gửi văn bản xin ý kiến các sở, ban, ngành liên quan. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương, các sở, ban, ngành nêu trên phải có ý kiến trả lời bằng văn bản gửi cho cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương. Trong thời hạn 13 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến của các sở, ban, ngành nêu trên, cơ quan có thẩm quyền về xây dựng của địa phương phải cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Quảng cáo trên phương tiện giao thông

1. Việc quảng cáo trên phương tiện giao thông phải tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật về giao thông.

2. Không được thể hiện sản phẩm quảng cáo ở mặt trước, mặt sau và trên nóc của phương tiện giao thông. Sản phẩm quảng cáo không được vượt quá 50% diện tích mỗi mặt được phép quảng cáo của phương tiện giao thông. Việc thể hiện biểu trưng, lô-gô, biểu tượng của chủ phương tiện giao thông hoặc hãng xe trên phương tiện giao thông phải tuân thủ các quy định của pháp luật về giao thông.

Quảng cáo bằng loa phóng thanh và hình thức tương tự

1. Quảng cáo bằng loa phóng thanh và hình thức tương tự tại địa điểm cố định phải tuân thủ quy định sau:

a) Quảng cáo không được vượt quá độ ồn cho phép theo quy định của pháp luật về môi trường;

b) Không được quảng cáo tại trụ sở cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, trường học, bệnh viện;

c) Không được quảng cáo trên hệ thống truyền thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị của xã, phường, thị trấn.

2. Không được quảng cáo bằng loa phóng thanh gắn với phương tiện giao thông và các phương tiện di động khác tại nội thành, nội thị của thành phố, thị xã.

Biển hiệu của tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh

1. Biển hiệu phải có các nội dung sau:

a) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp (nếu có);

b) Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh theo đúng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Địa chỉ, điện thoại.

2. Việc thể hiện chữ viết trên biển hiệu phải tuân thủ quy định tại Điều 18 của Luật này.

3. Kích thước biển hiệu được quy định như sau:

a) Đối với biển hiệu ngang thì chiều cao tối đa là 02 mét (m), chiều dài không vượt quá chiều ngang mặt tiền nhà;

b) Đối với biển hiệu dọc thì chiều ngang tối đa là 01 mét (m), chiều cao tối đa là 04 mét (m) nhưng không vượt quá chiều cao của tầng nhà nơi đặt biển hiệu.

4. Biển hiệu không được che chắn không gian thoát hiểm, cứu hoả; không được lấn ra vỉa hè, lòng đường, ảnh hưởng đến giao thông công cộng.

5. Việc đặt biển hiệu phải tuân thủ các quy định của Luật này và quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

*** Quảng cáo trong các sự kiện, đoàn người, vật thể quảng cáo**

Quảng cáo trong chương trình văn hoá, thể thao

1. Quảng cáo trong chương trình văn hóa, thể thao phải thực hiện theo pháp luật về nghệ thuật biểu diễn và thể dục, thể thao.

2. Không được treo, đặt, dán, dựng sản phẩm quảng cáo ngang bằng hoặc cao hơn biểu trưng, lô-gô hoặc tên của chương trình; khổ chữ thể hiện trên sản phẩm quảng cáo không quá một phần hai khổ chữ tên của chương trình.

3. Quảng cáo trên khu vực sân khấu phải đảm bảo mỹ quan và không được che khuất tầm nhìn của người xem.

4. Quảng cáo trong sân vận động, nhà thi đấu và các địa điểm diễn ra hoạt động thể dục thể thao không được che khuất Quốc kỳ, Quốc huy, ảnh lãnh tụ, bảng hướng dẫn chuyên môn và tầm nhìn của khán giả; không làm ảnh hưởng đến hoạt động tập luyện, thi đấu, biểu diễn của vận động viên, việc chỉ đạo của huấn luyện viên và việc thực hiện nhiệm vụ của ban tổ chức, trọng tài, nhân viên hướng dẫn, y tế, người phục vụ.

Đoàn người thực hiện quảng cáo, hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm, tổ chức sự kiện, vật thể quảng cáo

1. Đoàn người thực hiện quảng cáo phải tuân theo các quy định sau:

a) Đoàn người thực hiện quảng cáo là đoàn người có từ ba người trở lên mặc trang phục hoặc mang theo hình ảnh, vật dụng thể hiện sản phẩm quảng cáo tại một địa điểm hoặc di chuyển trên đường giao thông;

b) Đoàn người thực hiện quảng cáo phải bảo đảm trật tự an toàn giao thông, an toàn xã hội; tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động quảng cáo và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Tổ chức, cá nhân tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương về nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo, số lượng người tham gia đoàn người thực hiện quảng cáo, thời gian và lộ trình thực hiện chậm nhất là 15 ngày trước ngày thực hiện quảng cáo.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, nếu cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương không đồng ý với thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời thì tổ chức, cá nhân được thực hiện quảng cáo theo nội dung đã thông báo.

2. Hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, người chuyên tải sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo và phương tiện quảng cáo khác phải tuân thủ các quy định tại Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm mỹ quan đô thị, cảnh quan môi trường, trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội.

*** Quảng cáo ngoài trời**

Nội dung và nguyên tắc quy hoạch quảng cáo ngoài trời

1. Quy hoạch quảng cáo ngoài trời phải xác định địa điểm, kiểu dáng, kích thước, chất liệu, số lượng các phương tiện quảng cáo trên đường quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ; trong nội thành, nội thị.

2. Việc xây dựng quy hoạch quảng cáo ngoài trời phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau đây:

a) Phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo, xây dựng, giao thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Phù hợp với quy hoạch xây dựng của địa phương, bảo đảm mỹ quan đô thị, an toàn giao thông và trật tự an toàn xã hội;

c) Bảo đảm tính ổn định, công khai, minh bạch và khả thi;

d) Bảo đảm sự thống nhất, hài hòa giữa các địa phương tại các điểm tiếp giáp trên trục đường quốc lộ, tỉnh lộ;

đ) Ưu tiên kế thừa các vị trí quảng cáo phù hợp với quy hoạch đã có trước; trong trường hợp thực hiện hoặc điều chỉnh quy hoạch gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân thì cơ quan phê duyệt quy hoạch có trách nhiệm tổ chức đền bù theo quy định của pháp luật;

e) Lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo và nhân dân.

3. Chính phủ quy định cụ thể về hồ sơ, quy trình xây dựng, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch quảng cáo.

Trách nhiệm xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng và phê duyệt quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại địa phương trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực;

b) Điều chỉnh quy hoạch quảng cáo theo các giai đoạn phù hợp với sự phát triển của địa phương;

c) Niêm yết văn bản quy hoạch và bản vẽ chi tiết quy hoạch tại trụ sở Ủy ban nhân dân các cấp và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương;

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời.

2. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện quảng cáo ngoài trời trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực;

b) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giao thông vận tải và các Bộ có liên quan hướng dẫn các địa phương quy hoạch quảng cáo theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Xây dựng ban hành.

3.1.5. Những bất cập và giải pháp trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo

*** Những bất cập trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo**

Hoạt động quảng cáo trên lãnh thổ Việt Nam trong thời gian qua phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu thúc đẩy quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, kích thích sự phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo hiện nay phần nào chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, tại hầu hết các địa phương hoạt động quảng cáo còn hết sức lộn xộn, tồn tại nhiều trường hợp quảng cáo không có giấy phép, nội

dung và hình thức quảng cáo không phù hợp với thuần phong mỹ tục và văn hoá Việt Nam, hoạt động quảng cáo rao vặt tràn lan gây mất trật tự và ảnh hưởng tới mỹ quan đô thị.

Ngay từ năm 1998, vấn đề quản lý quảng cáo đã được đưa ra bàn. Chúng ta định xây dựng Luật quảng cáo dựa theo Nghị quyết TU 5 khoá 8 (1998) về việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng quảng cáo phát triển khá nhanh, nên Quốc hội quyết định làm Pháp lệnh về quảng cáo cho nhanh. Năm 2001 Pháp lệnh ra đời nhưng chưa bao quát hết hoạt động quảng cáo. Gần 10 năm qua Pháp lệnh đã bộc lộ những nhược điểm, hạn chế rõ nét. Năm 2010 dự kiến Luật quảng cáo ra đời, nhưng nay đã phải lui lại. Tình trạng vi phạm trong hoạt động quảng cáo diễn ra ở cả bảng quảng cáo đứng độc lập (gồm quảng cáo tấm lớn và quảng cáo diện tích dưới 40 m²), biển hiệu, biển quảng cáo tại các công trình, nhà ở riêng lẻ, băng rôn quảng cáo. Nhiều cá nhân, tổ chức tiến hành quảng cáo mà chưa [xin giấy phép quảng cáo](#), khiến hoạt động quản lý lại càng khó khăn.

Theo thống kê thì quảng cáo ngoài trời chỉ chiếm khoảng 10% tổng doanh số toàn ngành quảng cáo, còn quảng cáo trên truyền hình, phát thanh, báo chí, internet chiếm tới trên 80% doanh số. Hiện nay trên lý thuyết thì Bộ VH-TT&DL vẫn giữ chức năng quản lý nhà nước đối với toàn bộ hoạt động quảng cáo bao gồm cả các doanh nghiệp làm biển quảng cáo, trong khi Bộ Thông tin và Truyền Thông không được giao nhiệm vụ này. Đây chính là bất hợp lý lớn trong hoạt động quản lý quảng cáo hiện nay. Bộ VH-TT&DL, tầm quản lý và trách nhiệm với quảng cáo không lớn, tầm quan tâm cũng rất hạn chế bởi giờ chỉ còn quản lý khoảng 10% quảng cáo, nên giúp được DN rất ít. Bộ Thông tin và Truyền thông cũng chơi vơi, không được giao quản lý nhà nước trong lĩnh vực quảng cáo nhưng vẫn phải làm.

Hiện nay nhiệm vụ quản lý toàn bộ hoạt động quảng cáo của Bộ VH-TT&DL được thực hiện không đầy đủ. Cục Văn hoá cơ sở chỉ quản lý về quảng cáo ngoài trời. Tại Cục này có Phòng quảng cáo và tuyên truyền. Phòng vừa làm nhiệm vụ quản lý quảng cáo, vừa làm truyền truyền vì thế nhiệm vụ quản lý quảng cáo bị thu hẹp.

Đa số các biển quảng cáo đều tồn tại tự phát, chưa có quy hoạch, không có hồ sơ quản lý chặt chẽ, tình trạng lấn chiếm vị trí, xen cấy còn phổ biến. Do hậu quả của việc xây dựng chấp vá trong những năm qua nên về hệ thống biển quảng cáo ngoài trời còn chông chéo, lộn xộn, thiếu mỹ quan, một số địa điểm

không còn phù hợp về quy mô và vị trí, cần phải được sắp xếp lại cho hợp lý. Sự phân bố không đồng đều, chủng loại còn đơn điệu cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến cảnh quan đô thị. Không khó để nhận ra những hạn chế này khi người đi đường thấy phản cảm bởi tấm panô, áp phích được treo chon von trên những cây cao bên đường. Rồi những quảng cáo đã hết thời hạn hoặc qua thời điểm tuyên truyền đã lâu mà vẫn còn phấp phới tung bay, thậm chí đã rách, bạc phếch vì mưa gió... nhiều băng rôn, panô quảng cáo được dựng lên với đủ kích thước, đặt ở những vị trí cao thấp khác nhau đã tạo nên sự lôm nhôm, thậm chí mất an toàn. Trong khi đó, theo quy định đối với mỗi tuyến đường phải áp dụng một bảng quảng cáo với diện tích, chiều cao, kiểu dáng, khoảng cách thống nhất.

Vẫn còn hiện tượng quảng cáo sai nội dung, biển hiệu sai chính tả, biển hiệu chỉ viết bằng tiếng nước ngoài, treo băng rôn, phát tờ rơi trên đường, nơi đông người; quảng cáo lưu động vi phạm an toàn giao thông, gây mất vệ sinh, ảnh hưởng cảnh quan nơi công cộng...

Mục tiêu của chúng ta là đưa hoạt động quảng cáo vào quản lý; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động quảng cáo có điều kiện và cơ sở đầu tư lâu dài, có chiến lược phát triển dài hạn; sắp xếp phân bố hợp lý hệ thống bảng quảng cáo; góp phần xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình phúc lợi công cộng hiện đại, văn minh; tạo môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan mới cho đô thị ... Tuy nhiên, đối chiếu với những mục tiêu này với thực tiễn thì vẫn còn những khoảng cách lớn

Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan đối với hoạt động quảng cáo được quy định khá rõ. Cụ thể, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch dựa vào quảng cáo được duyệt, cấp phép về vị trí, kích thước, nội dung và ma-két quảng cáo của các biển quảng cáo nằm trên hệ thống giao thông quốc lộ, tỉnh lộ. Sở Xây dựng cấp phép xây dựng công trình quảng cáo về lĩnh vực hình thức chất liệu và an toàn kết cấu xây dựng. Sở Tài chính quản lý tiền thuê đất của các doanh nghiệp hoạt động quảng cáo, hằng năm bố trí vốn cho công tác tuyên truyền cổ động nhiệm vụ chính trị và quảng cáo không có mục đích sinh lời. Sở Giao thông – Vận tải kiểm tra công tác thực hiện quảng cáo trên các trục lộ giao thông bảo đảm hành lang bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật. UBND các huyện, thị xã, thành phố dựa vào quy hoạch quảng cáo được duyệt, cấp phép về vị trí, kích thước và nội dung, ma-két quảng cáo của các biển quảng cáo nằm trên hệ thống giao thông huyện lộ và nội thị. Tuy nhiên, sự phối hợp

trong khâu hậu kiểm sau khi các đơn vị, cá nhân được cấp phép cho quảng cáo ngoài trời, lại gần như bằng không. Nhiều quảng cáo có “dính” đến nhiều sở nên việc xét duyệt mới chỉ trên hồ sơ giấy tờ và sau khi xét duyệt xong, có phê duyệt đồng ý thì có thể coi như hoàn tất, công việc tiếp theo là theo dõi cung cách, số lượng, thời gian treo quảng cáo thì bị bỏ ngỏ. Qua tìm hiểu được biết, nguyên nhân chính là do thiếu nguồn nhân lực. Thêm nữa, việc cấp phép quảng cáo lại không được thu phí nên cũng ảnh hưởng đến việc tái đầu tư xây dựng hệ thống biển quảng cáo cũng như chất lượng quản lý quảng cáo. Đơn cử về những bất cập, hạn chế trong quản lý loại hình quảng cáo ngoài trời như sau: Một đơn vị, cá nhân đến đăng ký quảng cáo, trong đó có ma-két, số lượng, cụ thể nhưng thực tế khi thực hiện, số lượng thậm chí nội dung có tuân thủ đúng hay không thì rất khó kiểm duyệt, nhất là những quảng cáo có số lượng lớn hàng trăm băng rôn, panô, áp phích.

Nhiều quảng cáo được cấp phép chỉ treo trong một khoảng thời gian nhất định, nhưng thực tế hạ xuống lúc nào lại tùy vào ý thức của cá nhân, doanh nghiệp. Hầu hết quảng cáo được hạ bằng cách người sau hạ của người trước, tức người có nhu cầu quảng cáo muốn có vị trí treo thì phải tự gỡ những quảng cáo cũ xuống. Một yếu tố nữa là theo quy định, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch chỉ cấp phép, quản lý đối với những quảng cáo ngoài trời, còn những quảng cáo tại cửa hiệu của cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh thì vẫn mạnh ai nấy làm, thích sao làm vậy, gây mất mỹ quan đô thị.

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động quảng cáo ngày càng phát triển và trở thành nhu cầu không thể thiếu để phục vụ tuyên truyền cũng như sản xuất kinh doanh. Thiết nghĩ, để phù hợp với quá trình phát triển cần có một quy hoạch về cơ sở hạ tầng mang tính dài hơi cho loại hình này. Đồng thời quá trình đầu tư khai thác cần phải tuân thủ theo phương án quy hoạch. Các sở, ngành liên quan cần có sự phối hợp để cấp phép, quản lý có hiệu quả các quảng cáo, tạo môi trường không gian, kiến trúc cảnh quan cho đô thị. Và suy cho cùng, quảng cáo ngoài trời mang tính thương mại cũng là một dịch vụ, theo đó cần được thực hiện trên cơ chế cùng có lợi để tạo nguồn kinh phí tái đầu tư cho việc quản lý.

*** Những giải pháp trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo**

Nguyên nhân của tình trạng vi phạm trong hoạt động quảng cáo chủ yếu là do sự hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật về quảng cáo của nhiều tổ chức, cá nhân còn hạn chế và chưa nghiêm túc, công tác quản lý nhà nước

chưa phát huy hiệu quả, thiếu sự phối hợp của các ngành, các cấp địa phương. Bên cạnh đó, công tác xây dựng quy hoạch quảng cáo tại các địa phương còn chậm hoặc chất lượng không cao, chưa đáp ứng yêu cầu của việc lập lại ổn định và trật tự đối với hoạt động quảng cáo.

Nhằm khắc phục những hạn chế và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, cần có những giải pháp sau:

Cần không ngừng hoàn thiện, đổi mới các văn bản quản lý hoạt động quảng cáo sao cho vừa đưa chúng vào trật tự nhưng phải phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị luôn biến đổi, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và người làm quảng cáo.

- Thành lập các tổ, ban chuyên về thanh tra, kiểm tra từng hình thức quảng cáo tại mỗi quận trong thành phố. Kiên quyết xử phạt tất cả các quảng cáo vi phạm để làm gương cho các doanh nghiệp quảng cáo khác.

- Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, triển lãm, bình chọn, trao giải cho những sản phẩm quảng cáo sáng tạo phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

Tích cực phổ biến, triển khai văn bản pháp luật về hoạt động quảng cáo đến các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo trên địa bàn. Hàng quý phòng Văn hóa và Thông tin thành phố đã tổ chức thành lập đoàn kiểm tra công tác hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin truyền thông trong đó có hoạt động quảng cáo trên địa bàn các xã, phường. Thành phố thường xuyên chỉ đạo các xã, phường tổ chức xuống đường thực hiện chấn chỉnh việc viết, đặt biển hiệu không đúng quy định, đã thu giữ và xử lý biển quảng cáo lấn chiếm hành lang, vỉa hè, lập biên bản xử lý đối với các hộ kinh doanh sử dụng biển hiệu không đúng quy định.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo việc chấn chỉnh, xử lý vi phạm trong việc viết, đặt biển hiệu không đúng quy định của pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, thực hiện các loại hình quảng cáo trên địa bàn; tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo trên địa bàn, đặc biệt là hoạt động quảng cáo rao vặt trái phép; phối hợp với các cơ quan chức năng, chuyên môn, UBND các xã, phường thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, chấn chỉnh các cơ sở in quảng cáo, các tổ chức, cá nhân thực hiện viết, đặt biển hiệu, biển quảng cáo đảm bảo đúng quy định của pháp luật; thực hiện việc rà soát thường xuyên, chấn chỉnh các pa nô tuyên truyền cổ động trực quan của các cơ

quan, đơn vị trên địa bàn thành phố không còn phù hợp, không đảm bảo hành lang an toàn giao thông, đã hư hỏng; đồng thời tăng cường kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm trong hoạt động quảng cáo trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật hiện hành.

Bên cạnh đó, cần thực hiện một số nội dung sau:

1. Các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

1.1. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động quảng cáo trên các phương tiện bảng, biển, pa-nô trên địa bàn. Các hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra phải cương quyết xử lý theo quy định của pháp luật.

1.2. Chấn chỉnh hoạt động lắp đặt biển hiệu của các doanh nghiệp, cơ quan, cửa hàng, đại lý theo quy định tại Quy chế hoạt động văn hoá và kinh doanh dịch vụ văn hoá công cộng ban hành theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ.

1.3. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động quảng cáo rao vặt: tích cực tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn xã, phường, thị trấn; huy động các lực lượng đoàn thể và các gia đình trong việc quản lý hoạt động quảng cáo rao vặt; xây dựng các khu vực dành cho quảng cáo rao vặt; xử lý kiên quyết các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật.

1.4. Đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Cấp kinh phí xây dựng và triển khai quy hoạch quảng cáo;

b) Bổ sung nhân lực, cơ sở vật chất cho bộ phận cấp phép và lực lượng thanh tra;

c) Chỉ đạo các Sở có liên quan như Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp quản lý hiệu quả hoạt động quảng cáo trên địa bàn.

1.5. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hoạt động quảng cáo.

1.6. Báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình thực hiện các biện pháp quản lý đối với hoạt động quảng cáo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Cục Văn hoá cơ sở:

2.1. Thực hiện kế hoạch kiểm tra việc cấp phép thực hiện quảng cáo của các Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2.2. Tích cực đôn đốc, hướng dẫn các địa phương hoàn thành việc xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch quảng cáo.

2.3. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động quảng cáo.

2.4. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này và báo cáo Bộ trưởng.

3. Thanh tra Bộ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động quảng cáo. Phối hợp với Cục Văn hoá cơ sở trong công tác kiểm tra việc cấp phép thực hiện quảng cáo.

4. Vụ Pháp chế phối hợp với Cục Văn hoá cơ sở trong công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về hoạt động quảng cáo./.

****Đối với người hoạt động quảng cáo***

- Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo. Thực hiện đúng nguyên tắc: Lợi ích nhà nước-lợi ích xã hội-chuẩn mực về đạo đức và thẩm mỹ của người Việt.

- Luôn luôn học hỏi, đổi mới trong kỹ thuật, sáng tạo trong ý tưởng thiết kế để quảng cáo vừa làm đẹp đô thị vừa đảm bảo an toàn cho nhân dân cũng như cơ sở vật chất của nhà nước.

Quảng cáo mang lại lợi ích rất lớn cho doanh nghiệp và người làm quảng cáo, nhưng đừng vì lợi nhuận mà quên mất “Văn hoá kinh doanh”, cố tình “lách luật”, không thể cứ bắt các nhà quản lý văn hoá phải chạy theo mãi như vậy. Văn hoá quảng cáo phải được coi trọng và lẽ tất nhiên, nó được bắt đầu từ ý tưởng và ý thức của cá đơn vị làm dịch vụ quảng cáo.

3.2. Quản lí hoạt động triển lãm và gallery

3.2.1. Khái niệm

Triển lãm mỹ thuật là một hình thức công bố, phổ biến tác phẩm mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng (gồm các loại tranh, tượng, phù điêu, gốm nghệ thuật, makét trang trí nội thất, makét trang trí sân khấu, makét trang trí điện ảnh, áp phích, nghệ thuật xếp đặt và những loại hình sáng tạo mỹ thuật khác).

Trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, du lịch, thể thao, việc tổ chức triển lãm là một trong những hoạt động quan trọng không thể thiếu. Đối với các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước, triển lãm là hình thức được sử dụng thường xuyên nhằm mục đích công bố, phổ biến, giới thiệu, quảng bá tác phẩm, sản phẩm; thông qua đó tạo sự liên kết, tác động về thẩm mỹ, tư tưởng đối với công chúng

3.2.2. Quản lí hoạt động triển lãm

Triển lãm được coi là phương tiện phản ánh chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; là công cụ tuyên truyền vận động trực tiếp quần chúng nhân dân; là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân thông qua những hình thức tổ chức triển lãm, nội dung triển lãm. Cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội, hoạt động triển lãm càng trở nên không thể thiếu trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội.

Những quy định chung: Những tác phẩm sau đây không được trưng bày hoặc mua bán:

1. Tác phẩm có nội dung:

a. Chống lại Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

b. Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng văn hoá phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

c. Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế đối ngoại, bí mật đời tư của công dân và bí mật khác do pháp luật quy định;

d. Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân.

2. Tác phẩm vi phạm luật quyền tác giả.

Nếu không có sự uỷ quyền của Bộ Văn hoá – Thể thao – Du lịch, các triển lãm do tổ chức, cá nhân của Việt Nam hoặc nước ngoài tuyển chọn tác phẩm tổ chức triển lãm ở Việt Nam hoặc đưa ra nước ngoài đều không được lấy danh nghĩa đại diện cho Mỹ thuật Việt Nam.

*** Thẩm quyền cấp phép, thủ tục xin phép hoạt động triển lãm**

1. Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm cấp giấy phép đối với:

a) Triển lãm mỹ thuật có quy mô toàn quốc, ngành, do các cơ quan Trung ương tổ chức.

b) Triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam do tổ chức quốc tế; tổ chức nước ngoài hoặc nhiều nước phối hợp mang danh nghĩa đại diện cho một hoặc nhiều quốc gia tổ chức.

c) Triển lãm mỹ thuật quốc tế tại Việt Nam do tổ chức Việt Nam hoặc tổ chức nước ngoài tại Việt Nam tổ chức.

d) Hoạt động đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam đi triển lãm tại nước ngoài do các cơ quan Trung ương thực hiện.

e) Hoạt động đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép đối với:

a) Triển lãm mỹ thuật tại địa phương do cá nhân, nhóm cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài tổ chức.

b) Triển lãm mỹ thuật tại địa phương, khu vực, do cơ quan trung ương, tổ chức nước ngoài tổ chức mà không thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

c) Hoạt động đưa tác phẩm mỹ thuật từ địa phương đi triển lãm tại nước ngoài không mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam do các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Giấy phép được cấp cho triển lãm mỹ thuật đi nước ngoài là cơ sở làm thủ tục Hải quan khi xuất khẩu tác phẩm.

***Thủ tục đề nghị cấp phép**

1. Thủ tục đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam

Cá nhân, cơ quan, tổ chức muốn tổ chức triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam phải nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp phép đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại Điều 6 Quy chế này.

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức triển lãm mỹ thuật tại Việt Nam (Mẫu số 1) hoặc công văn, công hàm;

- Danh sách tác phẩm, tác giả, chất liệu, kích thước tác phẩm;

- Ảnh chụp tác phẩm sẽ triển lãm (ảnh màu khuôn khổ 9cm x 12cm trở lên, dán trên giấy khổ A4, có chú thích ảnh kèm theo); Trường hợp trong tác phẩm có chữ viết bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt;

- Bản sao chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân Việt Nam), hộ chiếu (đối với cá nhân là Việt kiều và người nước ngoài). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, khi nộp mang theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp nộp hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực.

- Đối với các triển lãm được quy định tại điểm b, điểm c, khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Quy chế này thì cần phải có giấy mời, hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận giữa hai bên.

b) Thời hạn nộp hồ sơ: Trước ngày dự kiến khai mạc triển lãm ít nhất là bảy (07) ngày làm việc.

2. Thủ tục đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài tham dự triển lãm

Cá nhân, cơ quan, tổ chức muốn đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài tham dự triển lãm nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một (01) bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại Điều 6 Quy chế này.

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép đưa tác phẩm mỹ thuật từ Việt Nam ra nước ngoài tham dự triển lãm (Mẫu số 2) hoặc công văn, công hàm;
- Danh sách tác phẩm, tác giả, chất liệu, kích thước tác phẩm;
- Ảnh chụp tác phẩm sẽ triển lãm (ảnh màu khuôn khổ 9cm x 12cm trở lên, dán trên giấy khổ A4, có chú thích ảnh kèm theo). Trường hợp trong tác phẩm có chữ viết bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch ra tiếng Việt;
- Bản sao chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân Việt Nam), hộ chiếu (đối với cá nhân là Việt kiều và người nước ngoài). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, khi nộp mang theo bản gốc để đối chiếu; trường hợp nộp hồ sơ gửi qua đường bưu điện, nộp bản sao có công chứng hoặc chứng thực;
- Giấy mời, hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận của hai bên.

b) Thời hạn nộp hồ sơ: trước ngày dự kiến gửi tác phẩm đi ít nhất là bảy (07) ngày làm việc;

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm đề nghị cấp phép.

Việc thẩm định tác phẩm và cấp giấy phép do thủ trưởng cơ quan cấp phép quy định

Trường hợp cần thiết cơ quan cấp phép có thể thành lập Hội đồng tư vấn để giúp thủ trưởng cơ quan thẩm định tác phẩm. Nếu thành lập Hội đồng tư vấn thì thành phần của Hội đồng phải có 2/3 các nhà chuyên môn kỹ thuật có uy tín. Hội đồng phải có ít nhất từ 5 người trở lên.

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định của cơ quan cấp giấy phép theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Địa điểm triển lãm phải có diện tích trung bày từ 20m² trở lên, có đầy đủ hệ thống ánh sáng, điện, nước, các phương tiện chữa cháy, không ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông.

Chủ địa điểm triển lãm chỉ được nhận trưng bày những tác phẩm có trong danh sách đã được cấp giấy phép.

Các hình thức tuyên truyền, quảng cáo, giới thiệu triển lãm phải sử dụng chữ Việt. Nếu sử dụng chữ nước ngoài phải thể hiện ở phía dưới và không lớn hơn 2 lần chữ Việt.

Việc mua bán tác phẩm là do sự thoả thuận giữa tác giả, hoặc đơn vị phải được tác giả uỷ quyền với bên mua. Khi bán tác phẩm, tác giả phải nộp tỷ lệ % theo hợp đồng thoả thuận với đơn vị tổ chức triển lãm.

Việc trả tiền cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm trong thời gian triển lãm (nhuận treo) là do đơn vị tổ chức triển lãm và tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm thoả thuận.

Trong quá trình trưng bày, vận chuyển, dàn dựng triển lãm, nếu tác phẩm bị hư hỏng thì tổ chức, cá nhân gây thiệt hại phải bồi thường, trường hợp tác phẩm bị mất thì phải đền bù cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm theo sự thoả thuận giữa hai bên.

3.2.3. Quản lý hoạt động gallery

Nghiêm cấm các Gallery trưng bày, mua bán các cổ vật Nhà nước cấm buôn bán theo quy định hiện hành. Nếu buôn bán tác phẩm sao chép thì bản sao chép phải có kích thước lớn hoặc nhỏ hơn tác phẩm gốc từ 3 cm trở lên, phải giữ đúng nội dung, hình thức như tác phẩm gốc, phải có chữ ký của người chép dưới chữ ký của tác giả. Đối với tác phẩm gốc còn trong thời hạn bảo hộ quyền tác giả. việc sao chép tác phẩm còn trong thời hạn bảo hộ theo quy định tại Luật Quyền tác giả.

Việc mua bán tác phẩm tại Gallery phải có sổ sách ghi chép, hoá đơn chứng từ rõ ràng, đảm bảo quyền lợi cho tác giả và người mua, khi xuất khẩu phải thực hiện những quy định về xuất khẩu văn hoá phẩm.

Gallery có trách nhiệm bồi thường cho tác giả khi làm mất hoặc hư hỏng tác phẩm. Mức độ bồi thường do hai bên thoả thuận.

Gallery phải chịu sự quản lý của các ngành chức năng theo quy định hiện hành.

3.2.4. Những bất cập và giải pháp trong công tác quản lý hoạt động triển lãm và gallery

*** Những bất cập trong công tác quản lý hoạt động triển lãm và gallery**

Bên cạnh những mặt tích cực, hoạt động triển lãm với con số ngày càng nhiều, loại hình ngày càng phong phú cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, đặc biệt khi hành lang pháp lý quản lý còn nhiều khoảng trống. Chưa kể, việc quản lý các triển lãm văn hóa nghệ thuật hiện nay còn lỏng lẻo. Rất ít địa phương thực hiện được việc thống kê số liệu, kiểm tra, kiểm soát nội dung các triển lãm văn hóa, nghệ thuật được tổ chức tại địa phương.

Nở rộ rất nhiều hình thức triển lãm như triển lãm ô tô, xe máy, nông nghiệp, thủy sản, báo chí, thơ văn... Không chỉ bộ, ngành mà cả các tổ chức, cá nhân cũng tổ chức triển lãm ngày càng nhiều. Trên thực tế, đường biên ngày càng rộng mở đó đặt ra yêu cầu phải sớm có một nghị định quản lý để hoạt động này đi vào nề nếp”.

Hiện nay những quy định về quản lý hoạt động triển lãm mới chỉ dừng ở phạm vi các triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh chứ chưa bao quát được toàn bộ với rất nhiều hoạt động, loại hình triển lãm khác. Nếu không sớm bổ sung, ban hành những văn bản quy định quản lý nhà nước về hoạt động triển lãm thì việc tổ chức, quản lý sẽ vô vàn khó khăn

Không nên tách mỹ thuật, nhiếp ảnh. Dự thảo nghị định có 5 chương, 23 điều và 6 mẫu văn bản kèm theo. Tuy nhiên, theo ý kiến của nhiều đại biểu thì dự thảo nghị định có khá nhiều chương, điều có nội dung trùng lặp. Chẳng hạn như chương II quy định về “Quy trình tổ chức triển lãm” hoàn toàn không cần thiết, vì nội dung này đã được quy định khá rõ ở các chương, điều khác. Cụ thể là điều 10 (chương II) quy định việc gửi hồ sơ xin cấp phép hoặc văn bản thông báo đến cơ quan thẩm quyền có nội dung trùng với điều 15 (chương III) về thủ tục gửi hồ sơ cấp phép.

Xuất bản phẩm cần phải được đưa vào phạm vi điều chỉnh và không nên tách mỹ thuật, nhiếp ảnh khỏi nghị định. Ở một số địa phương hiện nay thường kết hợp tổ chức kết hợp triển lãm với hội chợ, trong đó bao gồm cả mỹ thuật, nhiếp ảnh, sản phẩm âm nhạc... vậy giấy phép nên tách ra hay không? Nếu tách ra thì để tổ chức một hội chợ mà cần đến 3, 4 giấy phép sẽ hết sức nhiều khê.

Dự thảo Nghị định quy định đơn vị tổ chức triển lãm phải gửi hồ sơ đến cơ quan cấp phép trước 10 ngày tổ chức khai mạc triển lãm để thẩm định hồ sơ là quy định khá thoáng, tuy nhiên ở đây cần quy định cụ thể hơn về cấp giấy phép triển lãm và thẩm quyền cấp phép: triển lãm nào được cấp phép ở phạm vi quốc gia, cấp tỉnh.

Trên thực tế hiện nay các mô hình, nội dung, hình thức triển lãm rất đa dạng. Đối tượng tổ chức, tham gia hoạt động triển lãm cũng không chỉ là các cơ quan Nhà nước mà có sự tham gia ngày càng nhiều của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Ở đó, việc chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa thúc đẩy các triển lãm mang danh nghĩa quốc gia, nhằm quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài, không ít triển lãm chưa thực sự đạt yêu cầu, thậm chí có triển lãm bị đánh giá thấp.

Vấn đề đặt ra cần phải có qui định cụ thể về quản lý, cơ chế kiểm duyệt, phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, tham gia tổ chức triển lãm từ Việt Nam ra nước ngoài. Đặc biệt là các triển lãm mang danh nghĩa đại diện cho quốc gia Việt Nam phải do các cơ quan, tổ chức có chức năng, đủ năng lực, điều kiện tổ chức và phải thực hiện nghiêm túc, có thẩm định nội dung triển lãm chặt chẽ.

Chưa kể, việc quản lý các triển lãm văn hóa nghệ thuật hiện nay còn lỏng lẻo. Rất ít địa phương thực hiện được việc thống kê số liệu, kiểm tra, kiểm soát nội dung các triển lãm văn hóa, nghệ thuật được tổ chức tại địa phương. Có nhiều trường hợp triển lãm được tổ chức vào thời điểm không phù hợp dẫn đến những phản ứng tiêu cực trong bộ phận quần chúng. Triển lãm có nội dung phản cảm gây bức xúc trong dư luận xã hội...

Thực trạng hoạt động triển lãm thời gian qua cho thấy những qui định quản lý hoạt động ban hành trước đây mới chỉ dừng lại ở phạm vi mỹ thuật, triển lãm, nhiếp ảnh chứ chưa bao quát được toàn bộ hoạt động triển lãm với nhiều hoạt động triển lãm khác. Vì vậy, nếu không bổ sung, văn bản qui định về hoạt động triển lãm thì việc tổ chức và quản lý hoạt động triển lãm sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Hiện nay các địa phương đều kiến nghị sớm xây dựng và ban hành qui định về hoạt động triển lãm để các cơ quan quản lý Trung ương và địa phương có căn cứ thực hiện.

*** Những giải pháp trong công tác quản lý hoạt động triển lãm và gallery**

Ban Soạn thảo Nghị định về hoạt động triển lãm cần nghiên cứu, xem xét các giải pháp quản lý và phân cấp một cách rõ ràng.

Để tránh tình trạng cấp phép chồng chéo, đối với các triển lãm có yếu tố nước ngoài cần phải cấp giấy phép, còn triển lãm thông thường chỉ cần văn bản thông báo cho cơ quan quản lý về nội dung, thời gian, địa điểm tổ chức. Thực hiện được điều này sẽ hạn chế thấp nhất việc xin phép và cấp phép nhiều lần, nhiều tầng nấc; tạo điều kiện thông thoáng, nhanh gọn cho các triển lãm, nhất là ở các địa phương, nơi thường kết hợp nhiều loại hình, nhiều địa bàn với nhau.

Thêm vào đó, cũng cần quy định rõ đối tượng chịu trách nhiệm, chế tài xử phạt khi có triển lãm vi phạm. Đối với triển lãm của nước ngoài trưng bày tại Việt Nam và triển lãm của Việt Nam trưng bày tại nước ngoài, cần làm thủ tục xin cấp phép bởi đây là hoạt động liên quan hình ảnh quốc gia. Trước những loại hình triển lãm mới xuất hiện tại Việt Nam hoặc có xu hướng sẽ du nhập vào Việt Nam, cần bám sát thực tế, thậm chí nên tham khảo các quốc gia tương đồng với nước ta để có những quy định phù hợp, tránh phản cảm, trái thuần phong mỹ tục.

Dự thảo Nghị định về hoạt động triển lãm vẫn đang trong quá trình soạn thảo và tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và các đối tượng tham gia hoạt động triển lãm; dự kiến hoàn thiện và trình Chính phủ vào tháng 10-2017. Để hoạt động này phát triển thuận lợi và đúng pháp luật, những người có trách nhiệm cần lắng nghe từ thực tế cuộc sống để có những quy định đầy đủ và đúng đắn.

Trên thực tế hiện nay, các mô hình, nội dung, hình thức triển lãm rất đa dạng. Vì vậy, vấn đề đặt ra cần phải có qui định cụ thể về quản lý, cơ chế kiểm duyệt, phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, tham gia tổ chức triển lãm từ Việt Nam ra nước ngoài. Có như vậy việc hoạt động của các triển lãm mới được theo dõi một cách chặt chẽ nâng cao được hiệu quả và chất lượng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân loại các hoạt động quảng cáo ? cho ví dụ cụ thể ?
- 2.. Phân tích vai trò của quảng cáo với hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội ? Liên hệ thực tế ?
3. Trình bày công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quảng cáo

4. Phân tích những bất cập trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo ?
Cho ví dụ cụ thể ?

5. Hãy nêu và phân tích những giải pháp trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo ?

6. Trình bày công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động triển lãm và gallery ?

7. Phân tích những bất cập trong công tác quản lý hoạt động triển lãm và gallery ? Liên hệ thực tế ?

8. Phân tích những giải pháp trong công tác quản lý hoạt động triển lãm và gallery? Cho ví dụ ?

CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI: KARAOKE, VŨ TRƯỜNG VÀ CÁC KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ

4.1. Quản lý hoạt động karaoke

4.1.1. Điều kiện kinh doanh karaoke

1. Phòng karaoke phải có diện tích sử dụng từ 20m² trở lên, không kể công trình phụ, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng, chống cháy nổ;
2. Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài nhìn thấy toàn bộ phòng;
3. Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
4. Địa điểm hoạt động karaoke phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính Nhà nước từ 200 m trở lên
5. Địa điểm hoạt động karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liên kề.
6. Phù hợp với quy hoạch về karaoke được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4.1.2. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh karaoke ngoài cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp có đủ điều kiện quy định tại Điều 30 và các khoản 1 và 2 Điều 32 Quy chế này phải được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan cấp huyện được phân cấp cấp giấy phép kinh doanh.
2. Hồ sơ và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke
 - a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:
 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke trong đó ghi rõ địa điểm kinh doanh, số phòng, diện tích từng phòng;
 - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;
 - Ý kiến bằng văn bản của các hộ liên kề.
 - b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc cơ quan cấp huyện được phân cấp có trách

nhiệm cấp giấy phép kinh doanh; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4.1.3. Trách nhiệm của chủ cơ sở kinh doanh karaoke

Khi hoạt động kinh doanh karaoke, chủ cơ sở kinh doanh phải tuân thủ theo các quy định sau đây:

1. Đảm bảo ánh sáng trong phòng trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m²;
2. Đảm bảo âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;
3. Chỉ được sử dụng bài hát đã được phép phổ biến; băng, đĩa đã dán nhãn kiểm soát theo quy định;
4. Không được bán rượu hoặc để cho khách uống rượu trong phòng karaoke;
5. Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại Nghị định số [72/2009/NĐ-CP](#) ngày 03 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ;
6. Mỗi phòng karaoke chỉ được sử dụng một nhân viên phục vụ từ 18 tuổi trở lên; nếu nhân viên phục vụ là người làm thuê thì phải có hợp đồng lao động và được quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động;
7. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 37 Quy chế này;
8. Các điểm karaoke hoạt động ở vùng dân cư không tập trung không phải thực hiện quy định về âm thanh tại khoản 2 nhưng phải thực hiện quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

4.1.4. Hoạt động karaoke không có mục đích kinh doanh

1. Cơ quan, tổ chức hoạt động karaoke để đáp ứng nhu cầu nội bộ của cơ quan, tổ chức mình không phải xin cấp giấy phép nhưng khi hoạt động phải thực hiện quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 32 Quy chế này và đảm bảo an ninh, trật tự.
2. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ tổ chức hoạt động karaoke tại nơi kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của nhân viên thuộc cơ sở mình thì không phải xin phép, nhưng phải riêng biệt với khu vực kinh doanh, phải thực hiện quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 32 Quy chế này và đảm bảo an ninh, trật tự.

*** Quy định cấm trong hoạt động karaoke**

Nghiêm cấm các hành vi khiêu dâm và mua bán dâm, mua bán, sử dụng ma túy tại phòng karaoke.

4.2. Quản lý hoạt động vũ trường

4.2.1. Điều kiện kinh doanh vũ trường

Khái niệm: Kinh doanh hoạt động vũ trường là một trong những hoạt động văn hóa công cộng chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bởi đây là hoạt động có thể ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh – trật tự của địa phương, truyền thống văn hóa dân tộc và đời sống tinh thần của nhân dân. Pháp luật đã có những quy định cụ thể đối với hoạt động kinh doanh vũ trường như sau:

Căn cứ quy định của **Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng**(Ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6/11/2009 của Chính phủ):

4.2.1. Điều kiện kinh doanh vũ trường:

Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân kinh doanh vũ trường phải có các điều kiện sau đây:

Phòng khiêu vũ trong vũ trường phải có diện tích từ 80m² trở lên, cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử – văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên, đảm bảo các điều kiện về cách âm phòng chống cháy, nổ;

Người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ phải có trình độ trung cấp chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật trở lên;

Trang thiết bị, phương tiện hoạt động của phòng khiêu vũ đảm bảo tiêu chuẩn âm thanh, ánh sáng;

Phù hợp với quy hoạch về vũ trường của từng địa phương.

4.2.2. Thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường

Nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân có đủ điều kiện quy định nói trên muốn kinh doanh vũ trường phải đề nghị Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sở tại cấp giấy phép kinh doanh.

Hồ sơ và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có giá trị pháp lý;
- Bản sao giấy chứng nhận trình độ của người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, kiểm tra điều kiện kinh doanh thực tế và cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4.2.3. Trách nhiệm của chủ kinh doanh vũ trường

Khi hoạt động kinh doanh vũ trường, chủ kinh doanh phải tuân theo các quy định sau đây:

Có nội dung hoạt động được niêm yết công khai ở vũ trường để mọi người dễ nhận biết và thực hiện; nội quy phải ghi rõ về thời gian hoạt động, độ tuổi và trang phục của người khiêu vũ, những quy định cấm đối với người ở trong vũ trường;

Đảm bảo ánh sáng trong phòng khiêu vũ trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m²;

Đảm bảo âm thanh vang ra ngoài phòng khiêu vũ không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

Chỉ sử dụng những bài hát, tác phẩm âm nhạc được phép lưu hành để khiêu vũ;

Khi phát hiện người say rượu, bia, người sử dụng các chất ma túy và các chất kích thích bị cấm sử dụng phải yêu cầu người đó ra khỏi vũ trường;

Không cho người dưới 18 tuổi làm việc hoặc vào khiêu vũ tại vũ trường;

Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự quy định tại Nghị định số 72/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ;

Nếu sử dụng nhân viên phục vụ phải có hợp đồng lao động và được quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động;

Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ trường hợp vũ trường, phòng karaoke trong các cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 4

sao trở lên hoặc hạng cao cấp được hoạt động sau 12 giờ đêm nhưng không quá 2 giờ sáng.

4.3. Quản lý hoạt động ở các khu vui chơi giải trí

*** Nhiệm vụ của người quản lý tại các khu vui chơi**

- Quản lý toàn bộ hoạt động của khu vui chơi
- Xây dựng chiến lược kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của khu vui chơi
- Xây dựng, bố trí, quản lý, điều hành bộ máy nhân sự trong khu vui chơi.
- Xây dựng hệ thống nội quy, quy trình, quy định phục vụ hoạt động quản lý của khu vui chơi.
 - Quản lý toàn bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật trong khu vui chơi.
- Xây dựng và triển khai các hoạt động cung cấp dịch vụ và phục vụ khách hàng.
- Xây dựng các chương trình phát triển và quảng bá thương hiệu của khu vui chơi.
- Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên trong khu vui chơi.
 - Chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh trật tự trong khu vui chơi.
 - Và các trách nhiệm khác do ban giám đốc giao.

4.3.1. Điều kiện và hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi điện tử phải có các điều kiện sau:

- a) Cửa hàng trò chơi điện tử phải cách các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông từ 200m trở lên; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;
- b) Trang thiết bị đảm bảo chất lượng âm thanh, hình ảnh; hình thức trang thiết bị phù hợp thẩm mỹ Việt Nam.

2. Khi hoạt động, tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi điện tử phải tuân theo các quy định sau:

- a) Nội dung trò chơi điện tử phải lành mạnh, không vi phạm các quy định cấm tại Điều 3 Quy chế này;
- b) Không được hoạt động sau 10 giờ đêm đến 8 giờ sáng.

3. Nghiêm cấm tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có tính chất đánh bạc.

*** Quy định đối với các hoạt động vui chơi, dịch vụ giải trí khác**

Tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động văn hóa, các hình thức vui chơi giải trí khác không thuộc quy định tại Chương VII, Chương VIII và Điều 35 Quy chế này tại nơi công cộng nhằm mục đích kinh doanh hoặc không nhằm mục đích kinh doanh phải tuân theo các quy định tại các Điều 1 và 3 Quy chế này và không được hoạt động quá 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng.

• Điều khoản thi hành

Điều 37. Quy định về hoạt động sau 12 giờ đêm

1. Quầy bar trong các cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 3 sao trở lên hoặc hạng cao cấp được hoạt động sau 12 giờ đêm nhưng không quá 2 giờ sáng.

2. Vũ trường, phòng karaoke trong các cơ sở lưu trú du lịch được xếp hạng từ 4 sao trở lên hoặc hạng cao cấp được hoạt động sau 12 giờ đêm nhưng không quá 2 giờ sáng.

Điều 38. Quy định chuyển tiếp

Các vũ trường, nhà hàng karaoke không thuộc cơ sở lưu trú du lịch, đã được cấp giấy phép kinh doanh theo Nghị định số [11/2006/NĐ-CP](#) ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ được tiếp tục hoạt động đến hết thời hạn được phép. Khi hết hạn, cơ sở kinh doanh muốn tiếp tục hoạt động phải xin phép theo quy định tại Quy chế này./.

4.3.2. Quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước

*** Nghị định Quy định về sử dụng, quản lý phương tiện phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chính phủ ban hành Nghị định Quy định về sử dụng, quản lý phương tiện phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa.

*** Quy định chung**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc sử dụng, quản lý phương tiện phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sử dụng, quản lý phương tiện phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vùng nước hoạt động là vùng nước trong khu vực có hoạt động thể thao và vui chơi giải trí trong phạm vi ranh giới an toàn được cơ quan có thẩm quyền quy định thuộc điểm du lịch, khu du lịch; trên các tuyến đường thủy nội địa, vùng nước hàng hải.

2. Giấy chứng nhận hoạt động là giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho phương tiện của tổ chức, cá nhân được phép hoạt động thể thao, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa.

3. Phương tiện vui chơi giải trí dưới nước là các loại tàu, thuyền có các đặc tính sau:

- a) Chiều dài tiêu chuẩn L_{tc} không lớn hơn 24m;
- b) Chuyển động bằng buồm, bằng máy, bằng cơ khí hoặc kết hợp các dạng chuyển động trên;
- c) Được dùng để rèn luyện sức khỏe và một số kỹ năng, thư giãn, vui chơi giải trí.

4. Phương tiện thể thao là các loại tàu, thuyền có các đặc tính sau:

- a) Chiều dài tiêu chuẩn L_{tc} không lớn hơn 24m;
- b) Chuyển động bằng buồm, bằng máy, bằng cơ khí hoặc kết hợp các dạng chuyển động trên dùng để luyện tập và thi đấu thể thao.

*** Quy định nội dung quản lý**

Điều 4. Giấy chứng nhận hoạt động

1. Phương tiện có động cơ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa phải được cấp Giấy chứng nhận hoạt động. Mẫu Giấy chứng nhận hoạt động theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận hoạt động có thời hạn là 05 năm.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương để quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoạt động.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự cấp, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động

1. Hồ sơ:

- a) Đơn đề nghị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của hợp đồng mua bán, cho, tặng, góp vốn, thuê phương tiện;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện phải đăng kiểm theo Luật giao thông đường thủy nội địa hoặc Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

b) Trường hợp nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ viết giấy hẹn, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động; nếu thành phần hồ sơ không đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

c) Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu thành phần hồ sơ không đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này cấp Giấy chứng nhận hoạt động cho phương tiện.

3. Cấp lại

a) Giấy chứng nhận hoạt động của phương tiện hết hạn, bị hỏng, mất được cấp lại;

b) Hồ sơ và trình tự cấp lại như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 6. Quy định đối với phương tiện

1. Phương tiện có động cơ phải có Giấy chứng nhận hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Phương tiện không có động cơ có sức chở đến 12 người, gồm: kayak, rowing, canoeing và loại phương tiện tương tự, phải thực hiện các điều kiện do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định để quản lý loại phương tiện này.

3. Phương tiện phục vụ hoạt động luyện tập và thi đấu thể thao phải tuân thủ các điều kiện do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Điều 7. Quy định đối với khách du lịch

1. Khi tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước bằng phương tiện quy định tại Nghị định này phải tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này, phải mặc áo phao và tự chịu trách nhiệm về sức khỏe của mình.

2. Không được điều khiển các phương tiện ra khỏi vùng hoạt động đã được quy định.

3. Tuân thủ theo các quy định pháp luật nhà nước về giao thông đường thủy nội địa và quy định của cơ quan quản lý khu vực tổ chức vui chơi, giải trí dưới nước.

Điều 8. Quy định đối với đơn vị kinh doanh dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí

1. Hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Có đội ngũ huấn luyện viên, hướng dẫn viên, nhân viên cứu hộ được đào tạo đúng chuyên môn, nghiệp vụ với nội dung đăng ký hoạt động theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị đảm bảo an toàn cho khách du lịch và người tham gia hoạt động thể thao, vui chơi giải trí dưới nước.

4. Thực hiện các quy định của Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc quản lý, kinh doanh dịch vụ thể thao, vui chơi giải trí trên đường thủy nội địa.

Điều 9. Phân vùng hoạt động

1. Vùng 1: trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước hàng hải: Không được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí. Trường hợp có hoạt động thi đấu thể thao hoặc các sự kiện vui chơi giải trí do cấp Bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức phải được sự thống nhất của cơ quan quản lý tuyến đường thủy nội địa, vùng nước hàng hải.

2. Vùng 2: hoạt động trong khu vực thuộc điểm du lịch, khu du lịch, vùng nước có hoạt động vui chơi, giải trí không thuộc phạm vi thuộc tuyến đường thủy nội địa, vùng nước hàng hải (được xác định bằng phao neo hoặc cờ neo định vị) do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định.

*** Điều khoản thi hành**

Điều 10. Bộ Giao thông vận tải

1. Hướng dẫn và phối hợp với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương công bố vùng hạn chế, vùng nước mà loại phương tiện phục vụ hoạt động thể thao và vui chơi giải trí được phép hoạt động.

2. Quy định vùng nước có hoạt động vui chơi, giải trí thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 11. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Hướng dẫn và phối hợp với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức ban hành, thực hiện:

a) Quy định về phương tiện phục vụ cho hoạt động thể thao dưới nước bảo đảm phù hợp với nội dung của hoạt động thể thao.

b) Tiêu chuẩn của Huấn luyện viên, Hướng dẫn viên làm công tác hướng dẫn hoạt động thể thao, vui chơi giải trí.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thanh tra, kiểm tra hoạt động của phương tiện phục vụ thể thao, vui chơi giải trí.

Điều 12. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Quy định vùng nước có hoạt động vui chơi, giải trí thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Hướng dẫn việc quản lý, tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn địa phương.

3. Quy định về quản lý phương tiện và số lượng phương tiện được phép hoạt động trong điểm du lịch, khu du lịch.

4. Quy định hướng dẫn an toàn, sử dụng phương tiện phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí. Vận động viên, khách du lịch chỉ được tham gia hoạt động thể thao vui chơi giải trí khi đã được hướng dẫn quy trình này.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong phạm vi khu vực hạn chế, vùng nước mà loại phương tiện phục vụ cho hoạt động thể thao và vui chơi giải trí được phép hoạt động thuộc địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2017

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan đến sử dụng, quản lý phương tiện phục vụ hoạt động thể thao và vui chơi giải trí dưới nước tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

*** Nghị định số 48/2019/NĐ-CP**

Ngày 05 tháng 6 năm 2019 Chính Phủ ban hành Nghị định số 48/2019/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. Nghị định này áp dụng cho các đối tượng bao gồm: cơ quan, tổ chức, cá nhân và phương tiện có liên quan đến hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại Việt Nam; Phương tiện thủy nội địa hoặc tàu biển khi tham gia hoạt động phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước ngoài việc tuân theo các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc pháp luật về hàng hải, còn phải tuân theo các quy định tại Nghị định này.

Đồng thời, phải tuân thủ các nguyên tắc trong hoạt động vui chơi, giải trí như: Hoạt động vui chơi, giải trí phải bảo đảm trật tự, an toàn, an ninh, bảo vệ môi trường và hiệu quả; góp phần phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội; Việc đầu tư xây dựng vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải phù hợp với các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành đã được phê duyệt. Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước, chủ đầu tư phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng; Tổ chức, cá nhân khai thác, cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí, người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước và người tham gia vui chơi, giải trí dưới nước phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều kiện đối với phương tiện, người lái phương tiện khi tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước:

- Phương tiện phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải thực hiện đăng kiểm theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành và đăng ký theo quy định tại Nghị định này, trừ phương tiện đã được đăng ký theo các quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa hoặc pháp luật về hàng hải.

- Đối với người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước:

- + Người lái phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước phải đủ 15 tuổi trở lên, đảm bảo về sức khỏe;

- + Người lái phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 05 sức ngựa phải có giấy chứng nhận lái phương tiện theo quy định;

- + Người lái phương tiện phải mặc áo phao trong suốt thời gian tham gia hoạt động vui chơi, giải trí;

- + Người lái phương tiện không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải được hướng dẫn về kỹ năng an toàn do tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tổ chức trước khi điều khiển phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.

Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước bao gồm 02 vùng:

Vùng 1: Là vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải;

Vùng 2: Là vùng nước khác không thuộc vùng 1, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.

Thời gian tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước:

Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoạt động tại vùng 1 bao gồm: Trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; trên tuyến đường thủy nội địa địa phương: Sở Giao thông vận tải; trên vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải: Cục Hàng hải Việt Nam. Các cơ quan này sẽ quyết định khoảng thời gian trong ngày được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại vùng 1.

Căn cứ tình hình thực tế, cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận, công bố vùng hoạt động tại vùng 2 bao gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng 2; Trước khi thực hiện đầu tư dự án đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thỏa thuận với chủ đầu tư về địa điểm, quy mô, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Việc đầu tư dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Các cơ quan này sẽ quy định khoảng thời gian trong ngày được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí tại vùng 2.

***Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác vùng hoạt động và cung cấp dịch vui chơi, giải trí dưới nước:** Thường xuyên kiểm tra điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị. Bố trí đầy đủ áo phao, thiết bị cứu sinh, thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định. Chỉ được phép tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí trong khoảng thời gian theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này và phải có phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Tập huấn, hướng dẫn kỹ năng an toàn cho người tham gia hoạt động vui chơi, giải trí. Không đưa phương tiện vào hoạt động khi không đảm bảo các điều kiện an toàn theo quy định. Không cho phép người lái phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước điều khiển phương tiện ra khỏi vùng hoạt động đã được quy định. Có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp dịch vụ; khuyến cáo những trường hợp không được tham gia hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước. Bố trí khu vực bến, bãi neo đậu cho các phương tiện; các phương tiện vui chơi, giải trí chỉ được phép neo đậu ở những nơi quy định. Bố trí báo hiệu theo quy định; trường hợp không bố trí báo hiệu thì phải bố trí phao và cờ hiệu

như sau: Đường kính phao tối thiểu là 50 cm, cờ hiệu 50 x 60 cm; Khoảng cách giữa hai phao hoặc cờ hiệu là 10 m.

Nghị định số 48/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019. Vùng hoạt động, người lái phương tiện, phương tiện đã phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trước ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định này thì tiếp tục được hoạt động đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, nếu muốn tiếp tục hoạt động phải thực hiện đầy đủ các quy định có liên quan tại Nghị định này.

4.3.3. Quản lý hoạt động tại khu vui chơi cho thiếu nhi

Nắm bắt nhu cầu vui chơi giải trí của thiếu nhi, hàng loạt điểm vui chơi tự phát đã ra đời, song, chúng dường như đứng ngoài vòng quản lý của cơ quan chức năng và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Sân chơi đúng quy chuẩn, an toàn cho trẻ vẫn là một nhu cầu bức thiết.

***Tiềm ẩn nhiều nguy cơ**

Khu vui chơi trẻ em tự phát mọc ra trên khắp mọi miền đất nước trong vài năm trở lại đây. Đặc biệt, ở vùng nông thôn, các khoảng sân ủy ban, nhà văn hóa thôn thường được biến thành khu vui chơi. Theo khảo sát của phóng viên, các điểm vui chơi tự phát hầu hết do cá nhân đầu tư với các dịch vụ đơn giản như nhà bóng, cầu trượt, phao hơi, nhà cát... Một số điểm được đầu tư lớn hơn có thêm các trò chơi điện tử.

Nhìn chung các điểm vui chơi tự phát nghèo nàn về trò chơi, cơ sở vật chất kém. Nhiều khu diện tích chỉ vài chục mét vuông, bố trí dày đặc các trò chơi nên không gian chật hẹp, không có rào chắn, hoặc có thanh chắn nhưng tạm bợ, không có đường thoát hiểm, không có các thiết bị phòng cháy, chữa cháy. Khu vực vệ sinh tạm bợ, nhếch nhác hoặc không có. Thiết bị ở nhiều khu vui chơi trong tình trạng xuống cấp, bởi chủ đầu tư ít quan tâm. Đã có nhiều vụ tai nạn như nổ tàu điện, gãy giàn đu quay, đứt xích đu xảy ra. Chất lượng đồ chơi cũng là một vấn đề, phần lớn có nguồn gốc Trung Quốc hoặc thậm chí do chủ khu vui chơi tự chế. Việc vệ sinh đồ chơi cũng rất hạn chế, trong khi các cháu bé hay có thói quen ôm ấp những con thú nhồi bông hay ngậm đồ chơi. Bên cạnh đó, do số lượng người tập trung thường xuyên đông, nên nguy cơ bùng phát các dịch bệnh nguy hiểm ở khu vui chơi thường rất cao. Hầu hết nhân viên của những khu vui chơi trên là lao động có trình độ thấp. Vì thế nếu có sự cố xảy ra thường không xử lý được. Các khu vui chơi tự phát sau khi được chính quyền địa phương cấp giấy phép kinh doanh thường hoạt động mà

không bị kiểm soát. Chỉ đến khi xảy ra sự cố chính quyền địa phương mới vào cuộc dẹp bỏ. Nhưng do nhu cầu, rồi một điểm vui chơi mới lại mọc lên.

Tăng kiểm tra, giám sát

Dù biết những khu vui chơi như trên tiềm ẩn nguy hiểm, nhưng nhiều bậc phụ huynh đành cho con đến chơi vì vé rẻ, ít ra đến đây còn yên tâm hơn là để trẻ rong chơi trên đường phố hay bị nhốt ở nhà.

Trên thực tế, xã, phường, thị trấn, quận, huyện nào cũng có nhà văn hóa, sân chơi cho trẻ, nhưng đó chưa phải là sân chơi đúng nghĩa. Có nơi chỉ là căn phòng tạm bợ kê mấy cái bàn bóng bàn hay sân cầu lông nhỏ, nhưng cũng không đến lượt trẻ chơi mà chủ yếu là người lớn.

Một thực tế đáng báo động là từ nhiều năm nay, ở các địa phương có quy hoạch đất để xây dựng công viên, khu vui chơi cho trẻ... phần lớn bị sử dụng không đúng mục đích. Nhiều khu đô thị mới khi thiết kế đều có chỗ dành làm sân chơi cho trẻ em nhưng rồi sau bị biến tướng thành nhà hàng, bãi đỗ xe. Ở những khu tập thể, chung cư cũ, sân chơi chung hay các công viên nhỏ, nhà văn hóa cũng bị xà xẻo, chiếm dụng cho việc khác. Sự quan tâm chưa đúng mức của các cấp chính quyền đã dẫn đến tình trạng trên.

Có thể thấy sân chơi cho trẻ nói chung, các khu vui chơi- đúng quy chuẩn, an toàn cho trẻ nói riêng vẫn là một nhu cầu bức thiết. Năm nào, điệp khúc “hè này trẻ em chơi ở đâu?” cũng vang lên trên các phương tiện thông tin đại chúng và trong những lời than thở của số đông phụ huynh. Dĩ nhiên, không thể ngay một lúc giải quyết được trọn vẹn vấn đề này, nhưng để trong tương lai gần, không còn quá thiếu chỗ chơi cho trẻ như hiện nay, các địa phương cần sớm có giải pháp cụ thể. Trước hết là thu hồi những nơi vui chơi, giải trí dành cho trẻ em bị sử dụng sai mục đích. Đối với các khu vui chơi tự phát, cần tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động và điều kiện cơ sở vật chất; đồng thời hướng dẫn hộ kinh doanh lắp đặt các trang thiết bị bảo đảm an toàn, tránh hậu quả đáng tiếc xảy ra.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Điều kiện để kinh doanh hoạt động karaoke ?
2. Trình bày thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke ?
3. Hãy nêu trách nhiệm của chủ cơ sở kinh doanh karaoke ?
4. Những quy định cấm trong hoạt động karaoke ?
5. Điều kiện để kinh doanh hoạt động vũ trường ?

6. Trình bày thẩm quyền và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường ?
7. Những quy định cấm trong hoạt động vũ trường ?
8. Trình bày những quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước ?
9. Những bất cập trong việc quản lý các hoạt động tại khu vui chơi cho thiếu nhi ?